

## Mục Lục:

Tiêu Sử Ông Joseph Trần Đức Phương Biography of Joseph Phuong Duc Tran.....	2
Viếng Xác (Võ duy Thái – Todd Vo) Viewing the Body.....	5
For Dad, (Frank Tran – Trần bảo Ngân) Nhớ Bố.....	13
Điều Văn Tiễn Đưa Bạn Trần Đức Phương (Đặng văn Âu) Eulogy for Joseph Phuong Duc Tran.....	18
Thư gửi các con (Trần đức Phương) Real as Imaginary, Imaginary as Real.....	28
Giỗ 100 ngày Sunday 10 January 2016.....	45
Photos on Web	
Viewing: <a href="https://goo.gl/photos/qn2cZXHtd4YFWsRXA">https://goo.gl/photos/qn2cZXHtd4YFWsRXA</a>	
Phát Tang: <a href="https://goo.gl/photos/jt2ExigTiRVkm45t5">https://goo.gl/photos/jt2ExigTiRVkm45t5</a>	
Funeral: <a href="https://goo.gl/photos/SC45Ui4Zb5cC3m4n6">https://goo.gl/photos/SC45Ui4Zb5cC3m4n6</a>	
Videos on Web	
Lễ Phát Tang: <a href="https://www.youtube.com/watch?v=vk8edAMBIZM&amp;feature=em-upload_owner#action=share">https://www.youtube.com/watch?v=vk8edAMBIZM&amp;feature=em-upload_owner#action=share</a>	
Tang Lễ: <a href="https://www.youtube.com/watch?v=XX4f72gi2PE&amp;feature=em-upload_owner#action=share">https://www.youtube.com/watch?v=XX4f72gi2PE&amp;feature=em-upload_owner#action=share</a>	
RIP on Web	
<a href="https://tauvietnamthuongtin.wordpress.com/category/cao-pho/">https://tauvietnamthuongtin.wordpress.com/category/cao-pho/</a>	



## Tiểu Sử ông Joseph Trần Đức Phương

### Biography of Joseph Phuong Duc Tran

**Mr. Joseph Phuong Duc Tran** was born on June 13, 1935 in Tuc Mac village, Phu Oc parish, Nam Dinh province in North Vietnam. Joseph was the son of the late Hiep Duc Tran and the late Try thi Tran. He was the fourth child in a family of five siblings: Ms. Dung Le thi Tran resides in San Jose, Huan Duc Tran in San Diego, and My Tu thi Tran in San Diego.

In 1954 his family migrated to the South to escape from communism. In 1962 while studying medicine at the Medical University of Saigon, he volunteered to join the Vietnamese Air Force (Class of 62B). He was selected for US training at Moody Air Force Base in Georgia, also called the All Weather Pilot Training on aircraft types T28, T33, T37 and T38. The All Weather Pilot Training class included 32 Vietnamese cadets and an additional cadets, consisting of Americans, Philippines, Koreans and Laotian. The cadets were divided into 3 flight classes: D, D1, and D2. Unfortunately, during the course of training, one Vietnamese cadet, who performed aerobatics, was badly injured. After his recovery, the injured cadet was dismissed from pilot training.

On the day of graduation, 31 Vietnamese Cadets received Silver Wings as young pilots of the Republic of Vietnam Air Force. However, the other 18 cadets didn't pass the Final Test.

During 13 years of service, **Joseph** flew nearly 4,000-hours on the A-1H Skyraider, as well as on the following aircrafts: C-47, AC-47, C-123K and C-130. Joseph flew with the Vietnamese Air Force Squadron 33 and 53 Tactical Wing, 5<sup>th</sup> Air Division of Tan Son Nhut.

In April of 1969, when **Joseph** considered the task in Federation Command as less dangerous than flying in squadrons, he decided to marry Alice Tran. They were blessed with 3 boys and 1 girl. Then at the fall of Saigon in 1975, his family escaped from Vietnam and settled in San Diego.

**Joseph** was a devout Catholic, a loving husband and father, and a brave patriot. He fulfilled all the missions entrusted to him to the best of his ability. He was well loved by his comrades. He earned the respect of all who knew him and achieved great renown. He was a model father to his family.

On Friday, October 2, 2015, at 16:45 **Joseph** passed away peacefully in the presence of his wife, Alice Tran, and his son, Nam Tran.

**Joseph Phuong Duc Tran** is survived by his wife, Alice Tran, his three sons: John and his wife, Nga Tran; Nam and his wife, Teresa Tran; Frank and his wife, Jacinta Tran; and his daughter Anna Tran-Knize and Greg Knize. He is also survived by 10 grandchildren.



Ông **Joseph Trần Đức Phương** Sinh ngày 13 tháng sáu năm 1935 tại làng Tức Mạc, xứ đạo Phú Ốc, tỉnh Nam Định, miền Bắc Việt Nam. Con ông Trần Đức Hiệp và bà Trần Thị Try, là người con thứ tư trong gia đình có 5 anh chị em. Bà Trần Thị Lệ Dung hiện sinh sống tại San Jose, anh Trần Đức Huân và cô Trần Thị Mỹ Tú đang ở San Diego.

Năm 1954 ông theo gia đình vào miền Nam để lánh nạn cộng sản. Năm 1962 khi đang theo học y khoa tại đại học y khoa Saigon thì có lệnh động viên các sinh viên đại học, ông tình nguyện gia nhập binh chủng Không Quân ngành phi hành (khóa 62B). Ông được tuyển chọn sang Mỹ huấn luyện tại căn cứ Moody AFB Georgia còn được gọi là All Weather Pilot training, trên các loại phi cơ T28, T33, T37 và T38 với 32 SVSQ Việt và SVSQ Mỹ, Phi luật Tân, Đại Hàn và Lào được chia ra làm 3 Flight: D, D1 và D2. Trong

khi huấn luyện một khoá sinh bị rút khi thực tập nhào lộn trên không bị thương rất nặng sau khi bình phục đã phải giải ngũ.

Ngày mãn khoá chỉ còn 31 KSVN được lãnh cánh bay còn lại 18 khoá sinh khác bị loại trong giai đoạn cuối.

Trong 13 năm phục vụ ông đã bay được gần 4,000 giờ bay qua các loại phi cơ A1H skyraider, C47, AC47, C123K và C130 của liên đoàn 33 và 53 tác chiến thuộc sư đoàn 5 Không Quân đồn trú tại phi trường Tân Sơn Nhất.

Thời gian này với nhiệm vụ ở Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn ít nguy hiểm hơn khi bay ở phi đoàn. Ông đã quyết định lập gia đình tháng 4 năm 1969 và có được 3 trai và 1 gái. Biến cố năm 1975 cả gia đình ông thoát được và định cư tại San Diego từ đó.

Tóm lại trong bất cứ mọi bồn phận là người Kitô Hữu, gia đình và Tổ Quốc ông đã tận lực hoàn thành bồn phận và trách nhiệm được giao phó với tất cả khả năng của mình. Ông luôn được bạn đồng đội quý mến, thuộc cấp kính trọng và là người cha gương mẫu cho gia đình.

Thứ sáu ngày 02 tháng 10 năm 2015 lúc 16:45 sau khi được trợ y tẩm, thay áo sạch sẽ, ông đã ra đi nhanh chóng và an lành trước sự hiện diện của vợ và con.

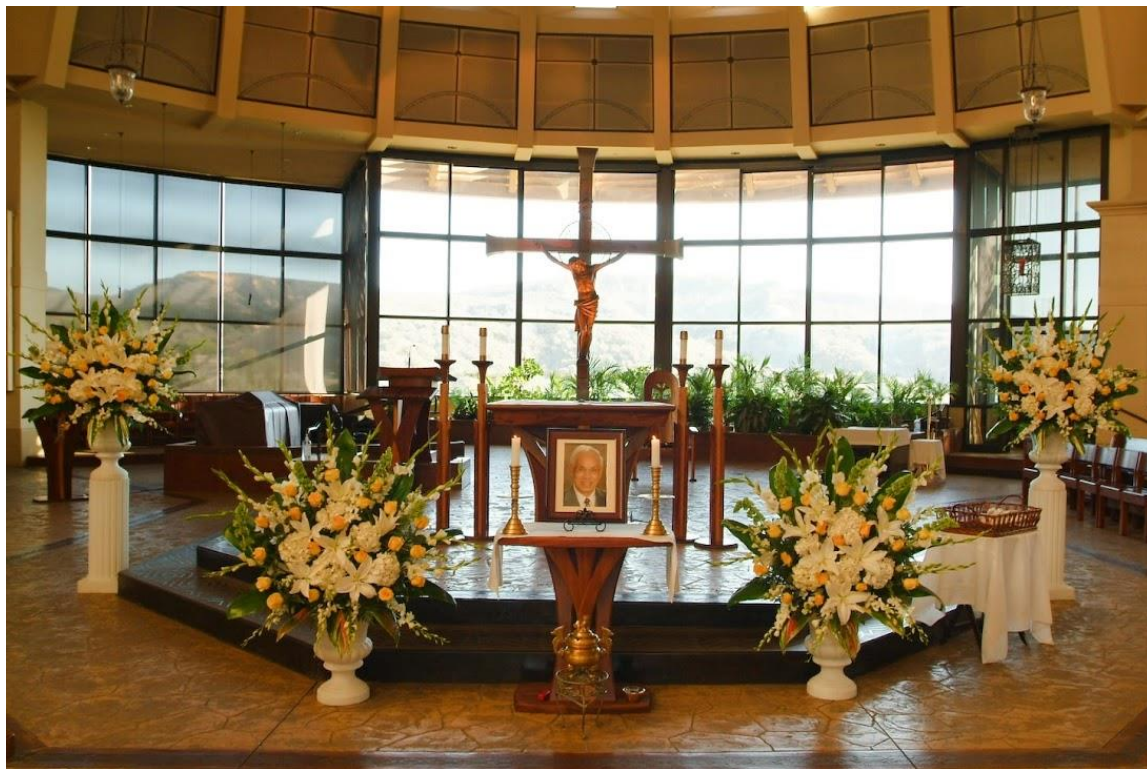




# Viếng Xác – Viewing the Body \_\_\_\_\_ Võ duy Thái – Todd Vo













## Nghi Thức Phát Tang Distribution of Mourning Rites

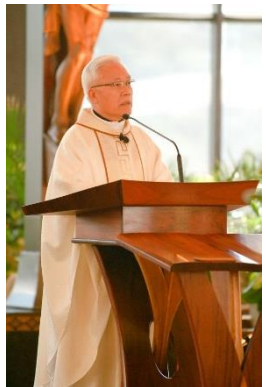






## Lễ An Táng Funeral Mass









## For Dad,

Thank you for coming to pay your respects to my Father. I would like to take this opportunity to especially thank my Mom for her selfless devotion to my Dad, to her kids and to her extended family. Please take a moment of silence to honor all of our ancestors who have paved the way...

My Dad was not strict. My Dad was a disciplinarian. He saw life through real life lessons, most could only imagine was an embellished script, written for the movies. He was a product of the greatest generation. Breed through the eyes of a world searching for peace. Called to be brave so their kids could live only knowing peace. I have only known peace.

My Dad lived and fought for principles that were the cornerstone of great men, leaving behind a great legacy. We have been privileged to be a part of his legacy. Now as a Dad, I feel truly enlightened with the power of his teachings. In turn, I teach my kids what my Father has taught me. These principles were free forming which I have encapsulated within what I call the “Three F’s”...FAITH, FAMILY and FREEDOM...to honor my God, my family and my freedom before all others .

**FAITH:** Let God shine before all others. Know that God is the light for all that is good. Seek to be God-like as you were created in his image. You will be rewarded with eternal life...

**FAMILY:** Your Family comes before you and after you, honor them before all others

**FREEDOM:** It affords us God’s grace, to NOT be persecuted for being Christians or speaking the truth, or simply your own belief system, the ability to choose and be to be chosen into God’s paradise, starts with Freedom. *As Vietnamese refugees, we are mindful of the cost of freedom. We honor those who paid the ultimate sacrifice, but also a remembrance of the millions of Vietnamese lost at sea, searching for the American Dream...especially our 4 family members who were lost at sea in 1981.*

**Live your life honoring your FAITH, your FAMILY and your FREEDOM...those truths shall be self-evident at the end of your days, as in my Father's life...he lived well, as we are his testament of life, there's no question he has been rewarded with eternal life.**

**These are the 3 "F's my Father taught me...I won't embarrass my daughter Grace by asking her about the 4th "F" she so eloquently added...but in her 8yrs of wisdom, she said daddy, you forgot about "**FORGIVENESS**". In our family, Gracie is known as "Little Ba Noi". She then added Frank as the 5th "F" but we'll keep that one in my own household.**

**My FATHER...**

**In all that he was, all that he is...he will forever live in his teachings and in God's words which I can best summarized from Joshua 24:15.**

**"Choose you this day for whom you will serve...but as for me and my house, we will serve the Lord"**

**I end this as I began by saying... My Father was not strict, My Father was a disciplinarian. My kids say that I am strict. But one day, with God's grace, I hope they will see me as a disciplinarian, like my Father before me.**

**Thank you.  
Frank Tran.**



## Nhớ Bố



Tôi xin bày tỏ lòng tri ân đến tất cả họ hàng và thân hữu đã đến đây phúng viếng linh cửu thân phụ chúng tôi. Nhân đây tôi cũng đặc biệt bày tỏ lòng biết ơn Mẹ tôi đã hết lòng tận tụy quên mình đối với Bố tôi, với con cái và cả gia quyền đông đảo của bà. Và tôi cũng xin tất cả quý vị dành phút mặc niệm để tưởng nhớ các bậc tổ tiên đã tạo dựng con đường đời cho chúng ta...

Bố kính yêu của chúng con,

Từ ngày con lớn khôn và đặc biệt trong giờ phút này, con đã nhận ra rằng: Bố không phải là một người cha nghiêm khắc, nhưng là một người cha đã xây dựng và gìn giữ kỷ cương của gia đình mình. Bố đã biết nhìn đời thông qua những bài học sống động của cuộc sống thực, chứ không phải là cuộc sống hầu hết được tô vẽ, được trang trí, được sáng tác cho phim ảnh. Bố là sản phẩm của một thế hệ vĩ đại nhất. Một thế hệ sinh ra trong một thế giới trông tìm sự hòa bình. Một thế hệ dũng cảm dần thân để cho con cái mình có thể sống tuyệt đối trong hòa bình. Và quả thật, con trai Bố đây chỉ biết có hòa bình.

Bố chúng tôi đã sống và đã chiến đấu cho những nguyên lý vốn là nền tảng của những bậc vĩ nhân, và đã để lại một di sản vĩ đại, mà chúng tôi - con cái của Bố, là những người được ưu tiên thừa hưởng di sản đó. Giờ đây khi đã trở thành một người cha, tôi mới thực sự thấu hiểu cái sức mạnh của những điều Bố đã dạy. Giờ đây tới phiên mình, tôi lại dạy con cái của tôi những gì mà Bố tôi đã dạy tôi trước đây. Đó là những nguyên lý được tóm gọn lại trong cái mà tôi gọi là “Ba chữ F”: ĐỨC TIN (**Faith**), GIA ĐÌNH (**Family**) và TỰ DO (**Freedom**) để tôn vinh trên hết là Thiên Chúa, Gia Đình và Tự Do của tôi.

**ĐỨC TIN:** Hãy để Thiên Chúa tỏa sáng trên hết mọi người và mọi sự. Hãy biết rằng Thiên Chúa là ánh sáng chiếu soi mọi điều tốt lành. Hãy cố gắng sống thánh thiện theo gương Chúa vì ta được tạo dựng theo hình ảnh của Ngài. Rồi ta sẽ được tưởng thưởng cuộc sống vĩnh hằng đời sau...

**GIA ĐÌNH:** Gia đình có trước ta và có sau ta nữa, hãy coi trọng cả hai trên hết mọi người và mọi thứ khác.

**TỰ DO:** Tự do đem đến cho ta ân sủng của Chúa. Vì được tự do, ta không bị bách hại vì là Kitô hữu hay vì nói lên chân lý, hoặc nguyên tắc về niềm tin riêng của mình. Với tự do, ta có khả năng chọn lựa và được chọn vào Nước Chúa. Là người Việt tị nạn, ta thấu hiểu cái giá của Tự Do. Chúng ta vinh danh những ai đã phải hi sinh tột bậc vì Tự Do, cũng như tưởng nhớ đến hàng triệu người Việt đã bỏ mình trên biển cả khi đi tìm Giấc mơ Mỹ...đặc biệt là 4 thành viên gia đình chúng ta đã bị mất tích trên biển vào tháng 2 năm 1981.

Sống cuộc đời tôn vinh Đức Tin, Gia Đình và Tự Do... những chân lý này sẽ được tự nhiên hiển diện vào cuối đời của chúng ta, như trong cuộc sống của Bố tôi... Bố đã sống thánh thiện, như chúng tôi là những bằng chứng của cuộc đời Bố. Như thế, đương nhiên Bố phải được hưởng cuộc sống vĩnh hằng.

Đó là nguyên lý “Ba chữ F” mà Bố tôi đã dạy ...Có lần tôi hỏi Grace - con gái tôi, về chữ F thứ tư. Với trí óc của một đứa bé 8 tuổi, Grace khôn ngoan và mạnh dạn nói ngay: “Bố ơi, Bố quên chữ “THA THỨ” (**FORGIVENESS**). Trong gia đình chúng tôi, Gracie được gọi là "Bà Nội Nhỏ". Sau đó, Grace thêm Frank chữ **F** thứ năm, nhưng tôi sẽ giữ **F** thứ năm trong gia đình của riêng tôi.

BỐ ƠI...

Bằng tất cả cuộc đời Bố đã sống, đến tận giây phút hiện tại này... Bố sẽ sống mãi trong những lời Bố đã dạy chúng con cũng như trong lời Chúa dạy. Con xin tóm gọn lại từ Joshua 24:15- Hãy chọn cho ngày nay Đấng mà bạn phụng sự, với tôi và gia đình tôi sẽ chọn phụng sự Thiên Chúa!

Tôi xin dứt lời bằng điều mà tôi đã bắt đầu: Bố tôi không nghiêm khắc. Bố tôi là người trọng kỷ cương, giềng mối gia đình. Con cái tôi bảo tôi nghiêm khắc. Nhưng một ngày nào đó, nhờ Ông Chúa, chúng sẽ nhận ra tôi là người trọng kỷ cương, giềng mối gia đình như Bố tôi trước đây.

Trân trọng cảm ơn quý vị,  
Trần bảo Ngân.







# ĐIỀU VĂN TIỀN ĐƯA BẠN ÔNG GIÀ JOSEPH TRẦN ĐỨC PHƯƠNG

ĐẶNG  
VĂN  
ÂU

VIẾT  
&  
ĐỌC

Bạn **Trần Đức Phương** thương mến, “**Ông Già**” dấu yêu,

Tôi được anh em cùng khóa 62B ở vùng Nam California đề cử làm người viết và đọc bài điều văn này để tiễn đưa bạn về Nước Trời. Tôi nghĩ rằng tôi xứng với sự lựa chọn đó, bởi vì bạn và tôi khi bước vào trường huấn luyện quân sự ở Nha Trang được xếp cùng Trung Đội 6, được nằm hai giường đặt cạnh nhau, được chọn đi du học Hoa Kỳ cùng một lúc, không phải chỉ một lần, mà tới hai lần, rồi lại trở thành bạn chung phòng (roommate) ở Hoa Kỳ cả hai lần, bạn là chuyên viên nấu bếp, tôi là chuyên viên rửa chén, rồi về nước phục vụ cùng đơn vị từ khi “chân trái đang trước bước” cho tới khi tan hàng. Thử hỏi mấy ai có được cơ duyên đó?

Đặc biệt hơn nữa, bạn và Vương Đình Thảo là người phụ rể trong đám cưới của tôi ở Saigon. Bạn và tôi, mỗi người có bốn con, chỉ khác một điều là bạn có ba người con trai và một người con gái; còn tôi thì có ba cô con gái và một cậu con trai. Nếu hoàn cảnh không đẩy đưa khiến tôi rời Houston, Texas về sống ở thành phố Westminster, California gần nơi cư trú của gia đình bạn, thì có thể vì xa xôi cách trở, chưa chắc tôi có cái vinh hạnh nói lời ân tình với bạn và gia đình bạn trong giờ phút tử biệt sinh ly này.



Sở dĩ tôi kể lể dài dòng như thế để nói rằng tất cả mọi sự trên đời, những gì xảy ra cho chúng mình đều do định mệnh an bài theo quan điểm của người theo đạo Chúa hoặc do cơ duyên dun dủi theo quan điểm của người theo đạo Phật. Chúng ta tuy không cùng một cha, một mẹ sinh ra. Chúng ta mỗi người có một tín ngưỡng riêng: kẻ theo đạo Chúa, người theo đạo Phật. Thế nhưng do hoàn cảnh nước nhà, tuy anh em chúng ta ra đời không cùng nơi sinh quán, lại đồng quy về một nơi gọi là miền thùy dương gió cát Nha Trang, rồi trở nên thương yêu nhau còn hơn cả anh em ruột thịt.

Thời tuổi trẻ chúng ta đã cùng nhau chiến đấu bảo vệ quê hương, để bảo vệ giá trị làm người. Mỗi anh em trong khóa chúng ta đều ôm ấp hoài bão như tiền nhân đã dạy: “Làm trai đứng ở trong trời đất, phải có danh gì với núi sông”. Ai mà chẳng ấp ủ giấc mộng công hầu, khanh tướng? Nhưng có một quy luật mà không ai có thể vượt qua: Đó là từ cát bụi, rồi phải trở về với cát bụi, chẳng ai có thể mang theo tài sản, tiền bạc, châu báu với mình. Chính vì lẽ vô thường ấy khiến cho chúng ta ý thức rằng khi còn trên dương thế phải biết sống bằng tấm lòng rộng lượng, bao dung và yêu thương nhau. Yêu thương làm cho cuộc sống ở đời này thăng hoa và đáng sống hơn.

Năm 2012 đánh dấu 50 năm bước chân vào quân ngũ, anh em chúng ta từ bốn phương đã về nơi gọi là Thủ đô của Người Việt Tị Nạn họp nhau để tay bắt mặt mừng, để kiểm điểm ai còn ai mất, để nhìn nhau mà lệ ứa vì tuổi đời chồng chất, xác thân héo mòn. Anh em chúng ta đã cùng nhau đóng góp bài vở để hoàn thành tập lưu bút mà bạn và Nguyễn Mộng Khôi là hai người dày công nhất. Bạn đặt chủ đề tập lưu bút **“May mà còn gặp lại nhau”**, chúng tôi tâm đắc lắm. Bởi vì sau cuộc chiến chinh thảm khốc, dai dẳng mà anh em chúng ta còn sống sót để về sum họp với nhau thì quả là hồng ân của Trời, của Phật. Chúng mình phải nhớ ơn.

Tập lưu bút ấy là di sản quý giá mà anh em trong khóa giữ gìn để mỗi khi dòng tâm tư chọt quay về quá khứ thì giở ra xem mà nhớ, mà hình dung nhau.

Bạn Trần Đức Phương yêu dấu ơi! Ông Già thân mến ơi!

Bạn đã hoàn thành sứ mạng làm trai trong thời ly loạn. Bạn là người chồng thủy chung, người Cha nhân lành, người Ông đáng kính và người bằng hữu đáng yêu. Đó là thành tích đáng kể của một đời người. Tất cả còn lại là hư không!

Bạn ra đi không mang theo bất cứ một thứ gì, bạn chỉ để lại. Để lại trong lòng vợ, con, cháu và bằng hữu nỗi thương nhớ khôn cùng.

Trong những tháng ngày bạn nằm trên giường bệnh, anh em chúng tôi thường xuyên thăm viếng, thông tin liên lạc nhau về tình trạng sức khỏe của bạn. Ai nấy đều cầu nguyện cho bạn chóng bình phục. Nay bạn vĩnh viễn ra đi, một số anh em trong khóa đứng cạnh linh cữu của bạn và bằng hữu nơi xa xôi đều đồng lòng cầu xin Thiên Chúa rước bạn về chốn vĩnh hằng và được đời đời bình an quỳ bên chân Chúa.

Biết đâu cơ duyên còn tiếp tục dun dủi, định mệnh còn an bài thì anh em cùng khóa chúng ta lại có cuộc hội ngộ 100 năm đánh dấu ngày nhập ngũ ở một tầng trời nào đó?

Tôi không có thi tài như cụ Tam Nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến khóc cụ Nghè Dương Khuê, nên đành nhại bốn câu kết của người xưa để tiễn đưa bạn vàng:

*“Bác chẳng ở, dấu van chẳng ở,  
Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương.  
Tuổi già hạt lệ như sương,  
Lấy đâu mà ép hai hàng chứa chan!”*

Sau cùng, anh em trong khóa 62B xin nghiêng mình kính chào bạn để tiễn đưa linh hồn **Joseph Trần Đức Phương** an vui về Nước Trời.



## Eulogy for Joseph Phuong Duc Tran

*by Au van Dang – translate by Annie*

My dear **Phuong Duc Tran**, My beloved “**Old Man**”,

Our comrades, Class of 62B, who live in Southern California entrusted me to write and read this eulogy to bid you farewell to the Kingdom of God. I think I'm good with that choice, as our history began long ago when we entered the military training school in Nha Trang, and you and I were assigned to the Sixth Team. Our beds were next to each other and we were selected to the United States for pilot training not just once, but twice. We became roommates both times while in the United States. During these times, you were an expert cook, whereas I was great with washing dishes. Then after returning to our country for the service, we were in the same unit from the beginning to the end. I believe no one had enjoyed as much good fortune as we did.



*When I got married, you and Thao Dinh Vuong were the best men in my wedding in Saigon. You and I each had four children. You had three sons and a daughter; and I have three daughters and a son. At one time I lived in Houston, Texas but eventually I needed to relocate to the city of Westminster, California, which is closer to the residence of your family. If I was still living in Houston, I am not sure I would have the honor to give this eulogy to you and your dear family.*

I have wondered if our fate, and what happens to us in life, is arranged by the faith of the Catholics or predestined by the faith of Buddhists. We are not born by the same father and mother. We have our personal beliefs: those who are Christians, those who are Buddhists. But due to the circumstances of our country and despite different birthplaces, we met together in Nha Trang. Since then we have loved each other as if we were siblings.

When we were young men, we fought to defend our homeland and human values. We all embraced this ambition which was taught by our ancestors: "A man who lives as a hero on earth, is remembered as a hero forever in his country." Who does not dream of becoming the most cherished vassal. But there is a rule that no one can cross: We are from dust, then we must return to dust, and no one could take the property, money, jewels with him/her. Because of this impermanence, it makes us aware that while on earth, we must learn to live with a warm heart, generosity, tolerance, and love for others. In short, love makes life on earth more meaningful, influential, fulfilling, valuable, and worth living.

The year, 2012, marked our 50th anniversary in the military air force. Though we settled in various places, we all gathered in a place called the Capital of Vietnamese Refugees. Here we shook hands with one another, we learned who were still alive and who had passed away. Looking at one another, we were in tears because we are now old; our bodies are deteriorated and weakened with age. We were in tears because we did not fulfill our dream to save our nation as well as our countrymen. After our gathering, together we contributed articles to complete a special book. This book was put together by only two of you: Phuong Duc Tran and Khoi Mong Nguyen. You set the title for the book "We Luckily Meet Again", and we all agreed with your choice. This title was appropriate since after the catastrophic and persistent war, we had survived. We were able to get together on the 50<sup>th</sup> anniversary. This was a blessing from God and Buddha to whom we have to be grateful and to find ways to show our deepest appreciation.

This precious book is our legacy. We are guarding it with care and love because when we have sudden flashbacks, we can open it to refresh our minds and to remember our experiences.

Oh, my cherished friend Phuong Duc Tran! Oh my unforgettable old man! You had successfully completed your mission as a man in wartime. You were a faithful husband, a well-thought-of father, a treasured grandpa and a precious friend. That is a significant achievement of a lifetime. All the rest is vanity!

Leaving this world, you did not bring anything with you, but you left behind so much; your wife, children, grandchildren and friends, and a legacy that will be remembered as long as we live.

In those last days in which you were bed-ridden, we, your pilot friends, frequently visited. We communicated to others the condition of your health.

Everyone prayed for you to get well soon. Now that you are permanently gone, we stand next to your coffin along with others who knew you. We are unanimously asking God to welcome you into His Kingdom. May your soul rest in peace and may you enjoy the presence of God for ever.

Hopefully, our classmates will have a 100 year reunion to mark the day we entered the military together somewhere in heaven.

I am not gifted in poetry as “Tam Nguyen Yen Do Khuyen Nguyen” who cried at the death of his friend “Cu Nghe Khue Duong”. Therefore I would like to use his last four lines to say farewell to my cherished friend:

*"You will not live, although I plead you to,  
I love you, I miss you so much.  
Tears of my old age are like dew,  
Falling, falling down unceasingly!"*

Finally, your brothers of the Class 62B salute your soul, **Joseph Phuong Duc Tran**. May you rest in peace and enjoy the happiness of God's kingdom for eternity.





## Chú Ba

After the fall of Saigon, my Mother would occasionally tell me at night that someday I would again see Dì Ba and her family in the U.S. I didn't quite fully understand what she meant at the time nor envisioned how my forthcoming future would be like. For some reason, I didn't recall having any memories of Chú Dì Ba in their physical being. Perhaps the lack of memories stemmed from the fact that they had fled Vietnam when I was only 5 years old. I did remember, however, being in their house, which was adjoined to Ông Bà Ngoại's house, and playing tin can telephone with their sons, Nguyễn, Nam, and maybe Frank.

When Ngoại, Cậu Lắm and Dì Hương, Dì Linh, Peter, Chuyên, and I (along with other relatives) escaped Vietnam in 1980, we were finally reunited with Chú Dì Ba family, Dì Tư (Sơ Mợ), Dì Năm (Sáu), Cậu Hải, Dì Mai, and my twin uncles: Cậu Phong and Cậu Lâm. I also came to know Chú Ba's older brother, Bác Huấn and his family. We were greeted at Charles Lindbergh airport and driven to their Clairemont house in Chú Ba's station wagon. That station wagon and the Ford Maverick were our main form of transportation for many years ahead.

Chú Dì Ba graciously welcomed us into their home, and for years, I spent time growing up at their house on Chandler Street. I went to primary and secondary school with their children. My cousins were my friends, who I mostly hung around with during and after school. I



Dì Ba & Bảo Châu



remembered stories my cousins told about Santa Claus and Christmas festivities. I remembered birthday celebrations. I remembered being introduced to American football and everyone watching the games on Sundays (Go Chargers). Sometimes we would play football in the backyard. I remembered Chú Ba even joined us for a game once, calling me out when I thought I had caught the ball. In reality, the ball had bounced off my chest, hit the ground, and bounced right back into my hands, all in an instant. I remembered our nightly rosaries and prayers with Dì Ba and Bà Ngoại leading us; Chú Ba eyes closed in meditation. I remembered us celebrating Chú Ba's promotion at work. I remembered the time Chú Ba started a small fish pond in the atrium located in front of the house, how excited we were to see and feed the fishes. I remembered his delight when the World Cup came around once every four years and watching the games on the big screen projection TV. I remembered being interested seeing him working on the wooden cut outs of 6 birds (2 large ones and 4 small ones) and of Vietnam, which he placed over a large wooden cross. I remembered how impressed I was when everything was put together, and what I came to interpret as his way of asking God to look over Vietnam, be focus on God and country, and his longing for him and his family to return to our Motherland someday. The wooden birds flying towards Vietnam and the cross still prominently hanged just inside the entrance of Chú Dì Ba's house today.



All those years growing up under the care of my aunts and uncles, I came to perceive Chú Ba as modest and responsible to his duties as husband and father. I don't ever recalled Chú Ba showing any outward emotions of love and affection. He just went about showing it in other ways. From taking us to school and Boy Scouts meetings at St. Catherine Church to giving out advices on personal conducts and behaviors, especially when some certain uncles weren't acting responsibly. Chú Ba had his ways of looking out and caring for his family and others, which I came to

term as “passive quiet love.” That demeanor came to pass as I finally witnessed his visible love for his family and children in a recent account “A Letter to My Children,” detailing his life and narrow escape from Vietnam as Saigon fell to communist rule. It was the first time that I see Chú Ba told his children and Dì Ba that he loves them very much, although I am sure it is not the first time for them. Through that narrative, something else emerged for me as I recalled Chú Ba imparting his life lesson and wishing for his sons and daughter to daily pray the Our Father, Hail Mary, and Glory Be and “pray for the repose of the souls of our loved ones who have gone before us.” From that moment on, I find that whenever I say those prayers, I am reminded of what he lovingly expressed with conviction. From now on, I will say Our Father, Hail Mary, and Glory Be in memory of Chú Ba.

Cháu Võ Duy Thái



Nguyễn, Nam, Ngân, Dũng, Thái.



## Thư gửi các con

Các con thương yêu,

Năm nay 2011 là năm kỷ niệm 36 năm gia đình ta rời Việt Nam để tránh chế độ Cộng Sản, bây giờ là tháng 4 mà những người Việt nam ở hải ngoại gọi là Tháng Tư Đen, tháng tư đau buồn, tủi nhục của năm 1975 miền Nam Việt Nam với danh nghĩa Việt Nam Cộng Hòa đã bị Cộng Sản miền Bắc xâm chiếm.

Nhân dịp này Bố muốn viết lại những chuyện đã xảy ra với Bố Mẹ và gia đình ta trong quá khứ và nhất là vào tháng 4 năm 1975 với hình thức một lá thư, như vậy mới có thể tâm sự mật thiết với các con, các con dâu, con rể cũng như các cháu nội, ngoại, để các con và các cháu hiểu được tại sao chúng ta phải chống lại chế độ Cộng Sản và một phần nào lý do Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã thất bại trước Cộng Sản miền Bắc và kết quả là gia đình ta phải lìa bỏ quê hương Việt Nam .

Trước hết Bố muốn viết lại cho các con biết về bên họ nội, Bố được sinh ra trong một gia đình có 5 anh chị em, người anh cả Trần Đức Cử đã bị thổ phỉ Tàu giết tháng 4 năm 1948, khi đó anh cả 21 tuổi và là hiệu trưởng một trường học ở một tỉnh gần biên giới Việt Nam Trung Hoa, đi tàu về tỉnh Hải Phòng để mua quà làm phần thưởng cho các học sinh xuất sắc cuối niên học. Người chị thứ hai là Trần thị Phin mất vì bệnh tháng 12 năm 1945 lúc 15 tuổi. Người anh thứ ba là Trần Đức Huấn, bác Huấn hiện ở San Diego, Bố là thứ tư, người em gái chót là cô Trần thị Phi mất năm 1994 vì bệnh tại Việt Nam, bác Quang gái ở San Jose là Trần thị Lệ Dung, bác là vị hôn thê của anh cả và khi anh cả mất ông bà nội nhận chị về làm con nuôi. Cô Trần mỹ Tú ở San Diego là con cùng cha khác mẹ. Ông nội trước đây là sỹ quan trong quân đội Pháp, bà nội

thuộc thể hệ phụ nữ Việt Nam xưa không được đi học nên không biết chữ nhưng rất quán xuyến trong việc chăm sóc, dạy dỗ con cái và việc nhà. Bà nội mất tháng 3 năm 1973 và ông nội mất tháng 5 năm 1975 tại Saigon, Việt Nam

Các con thương yêu,

Bố sẽ kể lại cho các con rất vắn tắt những chuyện của Bố và gia đình chúng ta trước đây và đặc biệt những chuyện đã xảy ra vào tháng 3 và tháng 4 năm 1975 khi Cộng Sản Bắc Việt ồ ạt tấn công xuống chiếm miền Nam và nhờ ơn Chúa chúng ta đã chạy thoát.

Sau khi học xong Trung Học và hơn 4 năm ở trường Khoa Học và Y Dược thuộc Đại Học Sài Gòn, vì có lệnh gọi động viên các sinh viên đang học Đại Học vào trường Sĩ Quan Trù Bị Thủ Đức (trường huấn luyện để trở thành các sỹ quan Bộ Binh), nên Bố tình nguyện vào binh chủng Không Quân ngành phi hành. Ra thành phố Nha Trang để huấn luyện quân sự căn bản tại Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân ([airforce academy](#)) và với điểm khảo sát Anh Văn khá cao, Bố được tuyển chọn đi học lớp phi công khu trục tại Hoa Kỳ sau 3 tháng ở quân trường. Đến Mỹ học bổ túc Anh Văn tại Lackland AFB, Texas rồi chuyển đến Moody AFB, Georgia là căn cứ huấn luyện phi công khu trục ([fighter pilot](#)) trong thời gian 14 tháng. Mãn khóa phi công khu trục về Việt Nam phục vụ tại phi đoàn khu trục (SkyRaider) hơn 2 năm rồi chuyển về phi đoàn vận tải (C47 và AC47). Sau 3 năm bay ở phi đoàn vận tải, Bố được bổ nhiệm làm Trưởng Phòng Kế Hoạch thuộc Liên Đoàn 33 Tác Chiến ([33rd Combat Group](#)) đồn trú tại phi trường Tân Sơn Nhất, Sài Gòn.

Thời gian này là lúc Bố gặp Mẹ và với nhiệm vụ ở Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn ([group headquarter](#)) ít nguy hiểm hơn khi bay ở phi đoàn, Bố quyết định lập gia đình và Bố Mẹ làm đám cưới tháng 4 năm 1969.

Không Quân Việt Nam bắt đầu bành trướng sau kỳ Cộng Sản Bắc Việt tấn công miền Nam Tết 1968 (Tết Mậu Thân). Phòng Kế Hoạch được lệnh thiết lập chương trình chuyển tiếp các phi công thuộc 2 phi đoàn C47 sang Hoa Kỳ học lái loại phi cơ C123 K model (loại phi cơ này có 2 propeller engines và 2

jet engines) tại Lockbourne AFB, Ohio. Giữa năm 1970 khi chương trình chuyển tiếp gần hoàn tất Bộ chuyển về Bộ Chỉ Huy Không Đoàn 53 Chiến Thuật (53rd Tactical Wing headquarter) thuộc Sư Đoàn 5 Không Quân (5th Air Division). Năm 1971 sau khi Mẹ sinh Ngân, Bộ sang Hoa Kỳ để huấn luyện chuyển tiếp loại phi cơ C123K cũng tại Lockbourne AFB, Ohio, Ba tháng sau Bộ di chuyển đến England AFB, Louisiana để nhận lãnh Trưởng Phòng Sĩ Quan Liên Lạc (căn cứ này huấn luyện phi công Việt Nam bay các loại phi cơ A37, C47 và C123K)

Về Việt Nam năm 1972, Bộ tiếp tục phục vụ tại Bộ Chỉ Huy Không Đoàn 53 Chiến Thuật và bay C123, cuối năm 1972 sang đầu năm 1973 tất cả 3 phi đoàn C123 chuyển tiếp sang loại phi cơ 4 động cơ Prop-jet C130 (các phi cơ C123 được chuyển giao cho Không Quân Hoàng Gia Cambodia), với nhiệm vụ phụ giúp soạn thảo các chương trình huấn luyện và hành quân cho Không Đoàn, đồng thời bay những phi vụ hành quân cho các phi đoàn khi cần cho tới ngày Cộng Sản Bắc Việt xâm chiếm miền Nam (30/04/1975).

Vì đã hiểu biết khá rõ về chế độ Cộng Sản nên Bộ tình nguyện gia nhập Không Quân Việt Nam Cộng Hòa để chống lại Cộng Sản, cũng như đến tháng 4 năm 1975 cố gắng bằng mọi cách để gia đình ta thoát khỏi Việt Nam nếu Cộng Sản chiếm được miền Nam. Bộ sinh ra và sống ở miền Bắc Việt Nam nên đến năm 1954 khi Pháp và Cộng Sản ký Hiệp Ước chia đôi nước Việt Nam ở Geneva, Thụy Sĩ, miền Bắc từ vĩ tuyến 17 trở lên thuộc Cộng Sản, từ vĩ tuyến 17 trở xuống thuộc Quốc Gia (sau này trở thành Việt Nam Cộng Hòa), lúc đó Bộ 19 tuổi nên đã biết và hiểu những sự tàn ác, dã man của Cộng Sản. Chế độ Cộng sản là một chế độ không có tự do Tôn Giáo, hủy diệt gia đình bằng cách gây ra sự mất tin tưởng giữa các phần tử trong gia đình, không có tổ quốc mà tất cả chỉ có đảng Cộng Sản, đảng là trên hết. Ai chống đối đảng đều bị đưa đi cải tạo, gọi là cải tạo nhưng còn hơn là bị tù, vì người bị tù chỉ phải ở trong tù hết thời gian tòa án phạt rồi được tha về, còn cải tạo là không có thời gian án phạt, người bị đi cải tạo bị giam và phải làm việc khổ sai cho đến khi nào đảng xét có tiến bộ nghĩa là không còn chống đối đảng nữa mới được tha về, trường



học chỉ là nơi dạy thế hệ trẻ những nghi kỵ, căm thù mọi người không phải là Cộng Sản, dù đó là cha mẹ hay những người thân và tại miền Bắc năm 1956 bắt chước theo Cộng Sản Tàu, Cộng Sản Việt Nam đã tung ra chiến dịch tiêu diệt địa chủ cường hào ác bá ép buộc con cái tố cáo cha mẹ, người làm công tố cáo chủ và kết quả hơn 100,000 người đã bị giết. Một điều độc ác khác nữa là Cộng Sản cố tình làm cho dân nghèo đi, không đủ ăn mà khi đã nghèo đói quá thì đảng sẽ dễ cai trị, vì thế năm đó gia đình Bố cũng như hơn một triệu người dân miền Bắc đã di cư vào miền Nam để tránh nạn Cộng Sản.

Đó là sơ lược quãng đời của Bố từ khi gia nhập Không Quân cho tới năm 1975 cũng như tại sao chúng ta phải chống lại chế độ Cộng Sản, và phải cố gắng bằng đủ mọi cách thoát ra nước ngoài khi Cộng Sản xua quân xâm chiếm toàn thể miền nam Việt Nam.

Viết đến đây Bố muốn chúng con biết một phần nào Hiệp Định về Việt Nam được ký kết giữa Mỹ và Cộng Sản Việt Nam tại Paris năm 1973. Mỹ đem quân đội vào Việt Nam tham chiến giúp Việt Nam Cộng Hòa ở miền nam chống lại với cộng sản miền bắc từ cuối năm 1966 mà người ta gọi là Chiến Tranh Việt Nam (Viet Nam war). Chiến tranh Việt Nam thực sự chỉ là một cuộc tự vệ của Quân Lực Việt nam Cộng Hòa chống trả lại sự xâm lăng của cộng sản miền bắc. (Cuộc chiến tranh này người ta cho rằng nếu Mỹ tận lực giúp miền nam Việt Nam về khí giới và kinh tế thì không cần có quân đội Mỹ, miền nam cũng thừa sức chống lại với cộng sản miền bắc). Với riêng quân lực Mỹ có lúc lên đến trên 500,000 quân và với đầy đủ khí giới tối tân, Mỹ có thể chiến thắng chiếm toàn bộ miền bắc Việt Nam, tiêu diệt cộng sản miền bắc trong một tuần lễ, nhưng Mỹ đã không làm vậy có lẽ vì những áp lực chính trị tại nước Mỹ cũng như trên thế giới Mỹ đã không muốn tìm sự chiến thắng trong cuộc chiến này, và cuộc chiến kéo dài, rồi vì số thương vong của lính Mỹ lên cao trên 56,000 người, dân chúng Mỹ không muốn con em của họ phải hy sinh ở Việt Nam nữa nên áp lực chính phủ Mỹ chấm dứt chiến tranh Việt Nam để rút toàn thể quân đội Mỹ về, đó là lý do có hội nghị giữa Mỹ và Cộng Sản Bắc Việt tại Paris.

Với ý muốn chấm dứt chiến tranh Việt Nam để rút hết quân đội về nước, Mỹ đã bắt ép miền nam Việt Nam ký hiệp ước, gồm nhiều điều bất lợi, tất cả quân đội ngoại quốc sẽ rút ra khỏi Việt Nam trong khi quân đội cộng sản miền bắc đã tràn xuống xâm lăng miền nam thì vẫn được ở lại miền nam, trong hiệp ước có qui định hai bên ngưng chiến và chờ một cuộc bầu cử chọn lựa cho Việt Nam một chính thể độc nhất, hiệp ước này được ký tại Paris tháng 01 năm 1973. Tiếp theo quân đội Mỹ rút về và vì áp lực của Quốc Hội, Mỹ cắt hết viện trợ quân sự và kinh tế cho miền nam Việt Nam. Sau khi Mỹ rút hết quân đội về, cộng sản miền bắc xua quân vượt qua vĩ tuyến 17 đánh xuống miền nam để thăm dò phản ứng của Mỹ và thế giới tự do (trước đây khi ép miền nam ký hiệp ước Paris, Tổng Thống Mỹ có hứa bảo đảm với miền nam Việt Nam là nếu cộng sản miền bắc vi phạm hiệp ước, Mỹ sẽ phản công lại) nhưng Mỹ không có phản ứng gì. Khi biết chắc Mỹ không muốn giúp miền nam Việt Nam nữa, cộng sản miền bắc được viện trợ tối đa về quân sự và các khí giới tối tân của Nga xô, Trung Cộng và các nước cộng sản đông âu như không quân, miền bắc có phi cơ chiến đấu Mig21, Mig27, miền nam chỉ có A37 và F5 là hai loại phi cơ biến cải từ loại phi cơ huấn luyện T37 và T38; Thiết giáp miền nam chỉ có M48 và M113 không chống lại được với loại xe tăng tối tân T54 và PT76 của miền bắc, về Pháo binh miền bắc có đại bác 130 ly, hỏa tiễn 122 ly các loại súng phòng không cũng như hỏa tiễn địa không Sam2, Sam3, Sam7 trong khi miền nam chỉ được Mỹ viện trợ đại bác 105 ly, 155ly và một ít 175ly nhưng bắn không được xa bằng các đại bác của miền bắc nhưng điều quan trọng là quân đội miền nam thiếu thốn đủ mọi thứ như đạn cho pháo binh (mỗi khẩu đại bác chỉ được cấp phát mỗi ngày 10 trái) đạn cho bộ binh, bom đạn và nhiên liệu cho không quân và thiết giáp, nói chung quân đội miền nam phải chiến đấu với quân đội cộng sản miền bắc trong tình trạng thiếu thốn cùng cực, lợi dụng tình trạng đó cộng sản đem toàn bộ lực lượng quân đội tấn công miền nam, từ phía bắc đánh xuống, từ biên giới Lào và Cambodia đánh qua, quân đội miền nam Việt Nam lúc đó hoàn toàn thua sút cộng sản miền bắc về lực lượng cũng như vũ khí.



Đầu tháng 3 năm 1975, cộng sản miền bắc đem 3 sư đoàn bộ binh, 2 trung đoàn thiết giáp, 2 trung đoàn pháo binh đánh chiếm thành phố Ban Mê Thuột (lực lượng phòng thủ của miền nam chỉ có 1 trung đoàn bộ binh và các đơn vị địa phương). Chiếm được Ban Mê Thuột, cộng sản miền bắc tấn công Kontum và Pleiku đồng thời tấn công các tỉnh phía nam vĩ tuyến 17, đem toàn thể lực lượng quân sự từ miền bắc với khoảng 40 sư đoàn bộ binh và các sư đoàn chiến xa, pháo binh, với đầy đủ khí giới tối tân, tiếp liệu dồi dào ồ ạt xâm chiếm miền nam, trong khi đó miền nam chỉ có 12 sư đoàn, khí giới, đạn dược hoàn toàn thiếu hụt, có súng mà không có đủ đạn, có nhiều phi cơ mà không có bom đạn và nhiên liệu, quân đội vẫn hăng say chiến đấu với tinh thần rất cao nhưng tình hình chính trị của miền nam lại quá tồi tệ, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu của miền nam sau những quyết định lầm lẫn để mất miền trung và cao nguyên, từ chức trao quyền lại cho phó tổng thống Trần văn Hương rồi vì áp lực của phe trung lập ở quốc hội, tổng thống tạm thời Trần văn Hương phải đề cho Dương văn Minh lên làm tổng thống, như vậy thì việc miền nam Việt Nam bị mất vào tay cộng sản miền bắc là điều không thể nào tránh khỏi.

Từ cuối tháng 3 và đầu tháng 4 năm 1975, Mỹ di tản kiều dân Mỹ và những người làm việc cho Mỹ ra khỏi Việt Nam, khi đó cộng sản miền bắc đã chiếm được quá nửa miền nam, với tình hình nghiêm trọng như vậy Bố rất lo sợ làm sao gia đình ta có thể thoát được nạn cộng sản khi họ chiếm được cả miền nam, mặc dù rất bận với những phi vụ hành quân dồn dập, Bố và mấy người bạn thân trong Không Đoàn cùng đồng lòng cố tìm phương cách nào để có thể đem gia đình đi thoát được vào giờ phút cuối cùng. Thời gian này không muốn Mẹ phải lo nghĩ nhiều, Bố chỉ nói với Mẹ là để phòng xa, mình phải tìm cách ra khỏi Việt Nam khi cần chứ không cho Mẹ biết tình thế đã quá nguy ngập, miền nam sẽ bị cộng sản chiếm bất cứ lúc nào. Cuối tháng 4 năm 1975, quân đội cộng sản miền bắc chỉ còn cách Sai Gon 20 miles, Bố và các bạn vẫn chưa tìm được phương tiện nào để có thể thoát khỏi Việt Nam. Trưa ngày 28 tháng 4 năm 1975 sau khi hoàn thành một phi vụ hành quân, Bố về nhà cùng bác Huân tiếp tục đi tìm phương tiện để thoát, Bố quên nói với các con là gia đình

bác Huấn (anh của Bố) và gia đình anh Quỳnh (cháu của Bố) di tản từ Đà Lạt về ở nhà Bố Mẹ. Chiều hôm đó, Bộ Chỉ Huy Không Đoàn ra lệnh cho tất cả các nhân viên phi hành về đưa gia đình vào để đi ra đảo Côn Sơn rồi hải quân Mỹ sẽ đưa đến đảo Guam tạm thời lánh nạn, hầu các nhân viên phi hành được an tâm chiến đấu với Cộng sản. Do sự đồng ý với nhau từ trước, bác Khôi (bạn cùng khóa phi công) đã đến nhà đón Mẹ, các con và Dì Mai vào phi trường Tân Sơn Nhất để đi ra đảo Côn Sơn. Khi Bố về tới nhà thì trời đã tối và được biết Mẹ, các con và Dì Mai đã đi với bác Khôi vào phi trường, Bố vội đi đến cơ quan DAO (Defense Attach Office) thuộc tòa đại sứ Hoa Kỳ để hỏi tin tức vì được tin cơ quan này sẽ lo việc chuyên chở gia đình nhân viên phi hành ra đảo Côn Sơn, nhưng lính thủy quân lục chiến Mỹ không cho vào và lúc đó Việt Cộng pháo kích vào phi trường, sau cùng một sỹ quan thủy quân lục chiến Mỹ ra gặp Bố và cho biết lệnh trên không cho ai vào, nếu người thân của Bố đã ở trong thì Mỹ sẽ lo việc di tản. Trở về Bộ Chỉ Huy Không Đoàn thì được biết Mẹ, các con và Dì Mai đã đến đảo Côn Sơn. Ở lại trong căn cứ đến khoảng 5 giờ sáng ngày 29 tháng 04 năm 1975, có lệnh tất cả các phi cơ khả dụng và toàn thể nhân viên phi hành phải sẵn sàng có thể sẽ cất cánh đi Utapao, một căn cứ không quân của Mỹ bên Thái Lan, vì quân cộng sản miền bắc đã chiếm tỉnh Biên Hòa cách Sài Gòn 15 miles, phi trường Tân Sơn Nhất sẽ bị Cộng sản pháo kích không sử dụng được. Bố vội chạy về nhà để đưa gia đình bác Huấn cũng như bên ông bà ngoại ai muốn đi, nhưng lúc còn đang ở nhà thì người ở Bộ Chỉ Huy Không Đoàn đến cho hay là không kịp nữa, tất cả phi cơ của Không Đoàn đã đi hết rồi. Không còn phương tiện ở không quân, Bố và bác Huấn tìm đường đi theo hải quân (Bố cũng có nhiều bạn ở hải quân) và cũng không thể nào vào được vì dân chúng tìm đường chạy đông nghẹt hết khu bến tàu hải quân. Đi khắp các nơi quen biết nhưng cũng không tìm được lối thoát, đến khoảng 2 giờ chiều, xe scooter hết xăng, ngày hôm đó cả Sài Gòn náo loạn, không có nơi nào mở cửa cũng như các trạm xăng đều đóng, đang thất vọng và không biết phải làm sao thì tự nhiên có người đến bảo muốn có xăng đi theo họ và họ bán cho 2 lít xăng. Ngày hôm đó phi cơ trực thăng đủ loại từ đệ thất hạm đội Mỹ bay vào chỗ người di tản cũng như phi cơ phản lực

khu trục F14 của Mỹ bay yểm trợ đầy trời, tiếng gầm thét của máy bay phản lực hòa với tiếng động cơ của đủ mọi loại xe dưới đất của dân chúng đang tìm đường di tản đã tạo nên một khung cảnh hỗn loạn khủng khiếp cho thành phố Saigon. Trời đã gần tối, hy vọng tìm ra lối thoát hầu như hết thì chợt nhớ đến một người bạn mà trước đây có nói đang tìm mua một chiếc tàu nhỏ phòng hồ dùng làm phương tiện di tản, Bố vội tìm đến và cảm tạ Chúa, họ đang sửa soạn để đi khi trời tối, họ bằng lòng cho đi cùng với điều kiện mỗi đầu người đi một lạng vàng và 2 giờ nữa phải có mặt nơi tàu đậu ở cầu Tân Thuận, mặc dầu Bố và bác Huân không có vàng cũng liều chấp nhận điều kiện của họ vì đây là cơ hội cuối cùng để có thể thoát khỏi Việt Nam, Bố nói với bác Huân bây giờ không có nhưng sau này sẽ trả cho họ đầy đủ. Về nhà Bố nói với ông bà ngoại đã tìm được phương tiện đi bằng một tàu nhỏ của người bạn, ông ngoại dục Bố phải đi liền, hỏi cậu Hải có đi cùng không, cậu nói phải ở lại để lo cho gia đình. Bố đi cùng bác Huân gái với xe scooter Vespa, bác Huân đi xe gắn máy với Thủy và Hoàng. Trên đường đi đến nơi chổ tàu đậu ở cầu Tân Thuận vì quá đông người, Bố và bác Huân lạc nhau, rồi khoảng nửa đường gặp vợ chồng anh Quỳnh và 2 con, gọi anh Quỳnh đi theo. Khi qua cầu sông Saigon sang bên Khánh Hội và còn khoảng 1 mile nữa đến cầu Tân Thuận đường bị ngăn lại không cho bất cứ ai đi qua, có 2 người mặc quân phục bộ binh với súng M16 đứng ở giữa đường, lúc đó Bố mặc quân phục nên tiếp tục đi vì nghĩ rằng họ cũng là lính sẽ cho mình đi qua, nhưng họ đã bắn thẳng về phía Bố khi còn cách khoảng 50 thước, quay vội xe ngược trở lại thật may mắn không ai bị trúng đạn. Trở lại đường cũ nhưng vì không biết đường nào khác có thể đi đến nơi hẹn, đang hỏi thăm đường đi thì có một em bé trai khoảng 10 tuổi đi xe đạp đến bên hỏi Bố muốn đi đâu, Bố nói đi đến cầu Tân Thuận nhưng đường bị cấm mà không biết đường nào khác, em bé bảo đi theo em, không suy nghĩ Bố đi theo em bé liền. Em bé dẫn đi từ đường hẻm này qua đường hẻm khác, có khi đi qua cả nhà người ta ở, khoảng nửa giờ sau khi vừa đi xuyên qua một trường học, em bé chỉ cho Bố thấy cầu Tân Thuận, mừng quá nhìn lại vẫn thấy anh Quỳnh còn đi theo Bố quay lại tìm em bé để

cám ơn và có ý định tặng em chút quà nhưng không thấy em đâu cả. Khi đến chỗ hẹn ở cầu Tân Thuận thì cũng gặp bác Huân vừa tới.

Tất cả 9 người (Bố, gia đình bác Huân 4 người, gia đình anh Quỳnh 4 người) xuống tàu thì ở dưới đó đã có hơn 60 người (tàu này dài khoảng 40 feet, chiều ngang khoảng 15 feet trước đây dùng để chở dầu cặn đi các tỉnh). Đâu chờ ở bến đến 11 giờ đêm mà người lái tàu vẫn chưa đến, lúc đó không còn thấy phi cơ trực thăng Mỹ bay nữa, sau này được biết là vào giờ đó Mỹ đã ngưng di tản và cộng sản bắc việt bắt đầu pháo kích vào khắp nơi ở Saigon, thấy tình thế nguy hiểm quá nên chủ tàu quyết định đi với người lái phụ. Giờ đó vì nước thủy triều đang lên, khi tàu ra đến cầu Tân Thuận thì không chui qua được phải đậu lại đó chờ, khoảng 3 giờ sáng nước thủy triều xuống tàu có thể chui qua được cầu, khi bắt đầu đi thì lính và cảnh sát ở trên cầu không cho đi, và nếu cứ đi họ sẽ bắn chìm tàu, không còn cách nào khác, Bố và bác Huân nói với những người dưới tàu đưa hết tiền Việt Nam còn giữ và những thẻ chủ quyền xe, chìa khóa của xe hơi cũng như xe gắn máy để lại trên bờ, sau đó liền lên gặp lính và cảnh sát ở trên cầu tặng họ số tiền (khoảng hơn 1 triệu đồng) và tất cả thẻ chủ quyền xe cũng như chìa khóa xe, kết quả thật may mắn họ bằng lòng cho đi. Đến sông chính đi ra Vũng Tàu lúc 5 giờ sáng ngày 30 tháng 04 năm 1975 phải ngừng lại vì sợ đụng tàu của hải quân Việt Nam đang di tản, chờ đến hơn 7 giờ sáng mới đi tiếp, một giờ sau gặp một xuồng nhỏ có 15 sỹ quan hải quân chạy thoát khỏi căn cứ hải quân Nhà Bè xin đi cùng và từ lúc đó tàu mới có người lái chính (hạm trưởng hải quân), như vậy là có gần 100 người trên tàu. Tàu chạy rất chậm khoảng 5 miles một giờ nên khi chưa ra đến Vũng Tàu đã nghe Tổng Thống 1 ngày Dương Văn Minh của miền nam tuyên bố đầu hàng với cộng sản miền bắc. Vì tàu chạy rất chậm nên hai ngày sau vẫn lênh đênh trên biển, năm nay biển rất lặng đó là một điều thật đặc biệt vì anh bạn Trung Tá Hải Quân, hạm trưởng tuần dương hạm cho biết đã từng đi trên vùng biển này cả hơn 10 năm mà chưa bao giờ thấy biển êm lặng như vậy. Có một chuyện là anh Trung Tá hải quân này lúc nào cũng mặc áo phao, mặc dầu ban ngày trời rất nóng, Bố bảo anh ta là hải quân mà nhất chỉ sợ chết

đuổi không dám rời cái áo phao ra, anh ta chỉ cười nhưng về sau khi đến đảo Guam, anh ta mới nói là vì Bồ đếcc không sợ súng, anh ta cho biết là cái tàu đó dùng để chở dầu cặn nên họ chia ra từng ngăn, người mua lại muốn đi được nhiều người nên đã cắt những cái ngăn đó, nếu biển sóng chỉ hơi lớn một chút thôi là tàu bể liền, khi vừa lên tàu anh ta đã thấy vậy nhưng không còn cách nào khác để có thể thoát khỏi Việt Nam.

Đến trưa ngày thứ ba, đã hơn một ngày rồi tàu không còn gì để ăn, nước uống cũng không có thì thấy một tàu chiến của Mỹ ở xa, vội lấy tấm vải trắng viết lên ba chữ SOS giương cao lên, một lúc sau tàu chiến Mỹ đến và một canon nhỏ sang yêu cầu cho một người đại diện qua gặp hạm trưởng của tàu Mỹ, một sỹ quan hải quân Việt Nam sang gặp hạm trưởng tàu Mỹ, khi trở về với khá nhiều đồ ăn và nước uống anh ta cho hay hạm trưởng tàu Mỹ là bạn quen khi anh sang Mỹ tu nghiệp trước đây, và họ nói cứ tiếp tục đi sẽ có tàu tiếp cứu. Đi đến nửa đêm , tàu chiến Mỹ quay trở lại và kéo đi, khoảng 3 giờ sau thì ra tới vùng biển sáng chung ánh đèn, thấy rất nhiều tàu chiến của Mỹ và cả tàu chiến Việt Nam nữa. Sau đó đến gần sáng, tất cả mọi người trên tàu được chuyển qua một tàu thuộc hải quân Việt Nam mang số HQ 16, khi đó Bồ mới biết tất cả tàu của hải quân Việt Nam di tản sáng sớm ngày 30 tháng 4 đều đến đây. Lúc ở trên tàu HQ16 thật không ngờ người chủ tàu đã đến nói với Bồ và bác Huân không phải trả 9 lạng vàng cho 9 người đi vì đã có công lên điều đình với lính ở trên cầu Tân Thuận và như vậy mới đi thoát. Ở đó thêm một ngày rồi tất cả tàu của hải quân Việt Nam, tàu nào cũng đầy kín người, khởi hành đi Phi Luật Tân.

Sau hai ngày đoàn tàu đến Subic Bay, Phi Luật Tân, đậu lại ngoài khơi để hải quân Mỹ đi sơn xóa hết những số và dấu hiệu thuộc hải quân Việt Nam (Phi Luật Tân không cho phép bất cứ tàu nào mang số và dấu hiệu của hải quân Việt Nam vào Subic Bay) Trước khi đoàn tàu hải quân Việt Nam vào bến Subic Bay, tất cả làm lễ hạ quốc kỳ trên tàu, mọi người đứng nghiêm chào và hát quốc ca, ai ai cũng khóc, khóc cho đất nước Việt Nam đã mất vào tay cộng sản và khóc cho thân phận mình sẽ phải lưu vong từ đây.

Xuống bến Subic Bay, tất cả mọi người đều được chuyển ngay lên một tàu dân sự chở hàng lớn, ở đó một đêm sáng hôm sau tàu rời Subic Bay đi đảo Guam, trên chuyến tàu này có khoảng gần 20,000 người.

Sau 3 ngày tàu đến đảo Guam vào buổi tối. Tất cả mọi người được xe GMC thủy quân lục chiến Mỹ (20 người 1 xe) chở đến Tent City, mỗi xe một lều và mỗi người lãnh một ghế bố, chăn mền và vài thứ lặt vặt. Sáng sớm ngày hôm sau Bố tìm đến trạm Thông Tin để hỏi tin tức Mẹ và các con, vừa đến đó gặp một số phi công thuộc Không Đoàn 53 Chiến Thuật đã đến trước vài ngày, họ ùa đến ôm và chúc mừng Bố đã đi thoát bằng an vì họ nghe tin Bố bị kẹt lại, rồi người cho bao thuốc lá, người chia cho vài dollars, người đưa ly café, người cho khúc bánh mì, ôi thật quý hoá và thật cảm động, không ngờ được các đàn em tiếp đón nồng hậu như vậy, nghĩ lại Bố mới biết trước đây khi mình là cấp chỉ huy của họ nhưng đối xử với họ tốt nên trong lúc hoạn nạn này họ vẫn quý mến mình.

Suốt ngày hôm đó Bố ở trạm thông tin để dò tìm tin tức Mẹ và các con nhưng không biết gì hơn, nhân viên trạm thông tin cho biết vì chưa lập xong danh sách những người đã đến Tent City nên rất khó tìm, chỉ có cách gửi nhắn tin may ra sẽ có kết quả, từ hôm đó cứ mỗi ngày sau khi đến nhắn tin đi và coi những tin tức gửi tới, Bố đi khắp các lều tìm Mẹ và các con. Khoảng 3 tuần lễ sau nhận được tin cậu Hải, Phong, Lâm hiện đang ở đảo Wake, thật mừng như thế là các cậu ấy đã đi thoát. Vài ngày sau nhận được tin Mẹ và Dì Mai ở Camp Pendleton, California và sau đó nhận được tin các con Nguyên, Nam, Ngân ở Fort Chaffee, thật vô lý vì Nguyên, Nam mới 5 tuổi, Ngân mới 4 tuổi làm sao lại ở Fort Chaffee còn Mẹ và Dì Mai lại ở Camp Pendleton, tuy nhiên nhân viên ở trạm thông tin cho biết có lẽ những sinh viên tình nguyện đã ghi sai nơi đến của các con vào máy vi tính, những tin tức đó dù không hoàn toàn chính xác nhưng đã giúp Bố an tâm được phần nào vì biết được Mẹ và các con đã tới Mỹ.



Sáng ngày 16 tháng 6 trạm thông tin gọi Bố lên và cho biết bác sĩ ở bệnh viện hải quân thuộc camp Pendleton yêu cầu cho Bố sang Mỹ ngay vì Mẹ sắp sinh, nên phải đi sang trại bên phi trường làm thủ tục vào nước Mỹ, Bố xin cho gia đình bác Huân và gia đình anh Quỳnh cùng đi và được họ chấp thuận. Đến Camp Pendleton chiều ngày 20 tháng 06 năm 1975 và được đưa đến trại số 8, tối hôm đó lúc đang thu xếp chỗ ngủ thì một phi công thuộc Không Đoàn 53 Chiến Thuật, nơi Bố làm việc trước đây đến chào mừng và cho biết Mẹ và các con ở trên trại số 1 rồi dẫn lên gặp Mẹ và các con. Thế là sau 53 ngày chia ly và trải qua bao nhiêu gian nan, nguy hiểm gia đình ta đã được đoàn tụ. Cảm ơn Chúa đã thương và ban nhiều ơn lành cho gia đình ta.

Mười ngày sau, một tin vui nữa cho gia đình ta là ngày Annie ra đời, đây cũng là một chuyện đáng ghi nhớ. Sáng ngày 30 tháng 6 năm 1975, bác sĩ ở Naval Hospital cho Bố biết là Mẹ sắp sanh chỉ trong vòng buổi sáng thôi, chờ đến trưa bác sĩ ra cho biết bị trở ngại vì Annie xoay ngang rồi ngưng, bác sĩ sẽ cố gắng nếu không được thì phải mổ và đến chiều bác sĩ trở ra cho biết đã sửa soạn xong và sẽ bắt đầu mổ, Bố rất lo sợ chỉ còn biết ngồi cầu nguyện xin Chúa thương ban ơn cho Mẹ được an lành trong khi sinh và thật Chúa đã thương khoảng 30 phút sau bác sĩ chạy ra cho biết Mẹ đã sinh an toàn và ông ta thêm một câu "I am sorry, it's a girl". Bố cảm ơn bác sĩ và cho biết rất vui mừng vì Bố Mẹ đã có 3 con trai rồi. Bố Mẹ dự trù đặt tên cho Annie là Trần Thị Bảo Châu, nhưng để cảm ơn bác sĩ và cô Y Tá đã vất vả suốt một ngày giúp Mẹ nên Bố Mẹ đã lấy tên vợ bác sĩ và tên cô Y Tá ghép lại thành tên Anna Marie Trần.



Cuối tháng 7 năm 1975 được họ đạo Holy Family Catholic Church bảo trợ, gia đình ta rời Camp Pendleton đến ở Fulton Street, Linda Vista, San Diego.

---

*cậu Hải, cậu Phong  
cậu Lâm, dì Mai, Mẹ, Bảo Châu  
Nguyên, Nam, Ngân  
trước nhà đôi trên Tait St.  
gần nhà thờ Thánh Gia*

---

Ba tháng sau dọn về đường Tait Street cũng ở Linda Vista, ban ngày Bố Mẹ đi học Anh Văn (được chính phủ trả \$2.15/1 giờ), tối Bố đi làm janitor được \$2.50/1 giờ, sau đó Bố đi học về điện tử đồng thời vẫn làm janitor buổi tối. Đến tháng 12, sau khi dùng hết số tiền chính phủ trợ giúp ( $\$300 \times 6 = \$1,800$ ) vì họ đạo nghèo không bảo trợ cho gia đình ta được nữa (họ đạo trả



tiền thuê nhà \$175/1 tháng và cung cấp \$60/1 tuần tiền thực phẩm) nên muốn đưa đi xin welfare, chạy trốn chế độ cộng sản để chọn tự do và cố gắng tự lập càng sớm càng tốt nên Bố Mẹ từ chối không đi xin welfare, với số tiền tiết kiệm được trong mấy tháng vừa qua và Mẹ xin được học chương trình Ceta mỗi ngày học 6 giờ chính phủ trả \$ 2.15 một giờ gia đình ta sống được bình

thường tuy có hơi eo hẹp. Cuối năm 1977 Bố xin được việc làm ở Cubic Corporation và Mẹ cũng đi làm ở Scientific Atlanta, trong thời gian hăng gửi Bố đi làm ở Washington DC, nhờ tiền Per Diem và overtime, Mẹ để dành và mua được căn nhà 3

Dr. Clairemont, gia và Mẹ đi học lại ở nhà này cũng chính là tú, lúc đầu có cậu Hải, rồi đến Dì Mơ, Dì Dì Linh, Thái, kể 4 người họ bên Mẹ bà Ngoại), và đã có lần gia đình gồm 16 người Huân và gia đình bác Kansas dọn về San cho các con mỗi

hầu dễ dàng trong gần trường Đại mua nhà 5 phòng Valley. Với tất cả ta xây dựng được đến một đồng lúc rồi Camp Diego cho tới bây các con là nhờ Mẹ

dành mới có được. Thế rồi thời gian cứ tiếp tục trôi, các con từ tiểu học, qua trung học, tốt nghiệp đại học rồi đi làm, lập gia đình, các con đều có nhà riêng và bây giờ cũng vẫn căn nhà đó nơi các con đã sống trước đây, chỉ còn lại Bố Mẹ, có lúc thấy hơi trống trải nhưng nhiều khi cũng cảm thấy như các con vẫn còn ở đây, có khi Bố hỏi Mẹ cái đó ở đâu, Mẹ nói ở trong phòng Nguyên, phòng Nam và ngược lại Bố cũng nói là ở phòng Ngân, phòng Annie.



phòng ngủ ở Chandler đình đã được ổn định Mesa College. Căn nơi đại gia đình đoàn Dì Mai, Phong, Lâm Thơm, rồi Bà Ngoại, Chuyên, Dũng (chưa vượt biên chung với căn nhà này có đến 3 ở khi gia đình bác Thảo từ Topeka, Diego. Năm 1987, để người có một phòng việc học và cũng để Học UCSD, Bố Mẹ ngủ ở Carmel những gì gia đình từ khi không có dollar trong túi Pendleton ra San giờ Bố phải nói với tiết kiệm và để

Các con thân yêu,

Độc đến đây chắc các con đã nhận thấy Chúa luôn luôn ở với gia đình ta trong mọi hoàn cảnh, mọi trường hợp, chúng con phải cảm tạ Chúa, không có Chúa gia đình ta không thể nào có được như bây giờ, khi gia đình ta thất vọng Chúa đã an ủi, khi gia đình ta gặp lúc nguy khốn Chúa đã cứu giúp, không có Chúa làm sao Bố thoát khỏi những lúc nguy hiểm trong cuộc chiến Việt Nam quá ư tàn bạo (khóa huấn luyện phi công khu trục của Bố tại Moody AFB có 25 người, ra trường được 22 người về Việt Nam phục vụ tại các phi đoàn, đến 30 tháng 4 năm 1975 còn lại 7 người). Các con đã thấy không có Chúa làm sao Mẹ và các con đi thoát được trong đêm 28 tháng 4, trong ngày 29 chính Chúa đã cho người đưa đến cho Bố 2 lít xăng để có thể tiếp tục đi tìm được người có phương tiện di tản, giúp Bố tránh được những lần đạn của 2 người lính chặn đường, đưa em bé đến chỉ đường ra chỗ tàu đậu và còn nhiều nữa không thể nào kể hết được. Lạy Chúa, chúng con cảm tạ Chúa.

Bố cũng cho các con biết Bố cảm ơn Mẹ rất nhiều, người bạn đời 42 năm, đã cùng Bố chia sẻ những vui buồn, gây dựng gia đình ta được như bây giờ, cảm ơn Di Mai đã giúp Mẹ chăm sóc 4 anh em con khi còn nhỏ, cảm ơn Nguyễn đã thành đạt trong ngành Y Khoa, ngành mà trước đây Bố đã theo đuổi, cảm ơn Nam-Têrêsa, Frank-Jacinta và Annie-Greg đã cho Bố Mẹ những đứa cháu nội ngoại rất dễ thương và ngoan ngoãn. Giờ đây nhìn thấy các con thương yêu nhau, hạnh phúc, chăm sóc cho các cháu còn hơn cả Bố khi xưa, cảm ơn Chúa đã thương gia đình con, cảm ơn Mẹ Maria đã phù trợ gia đình con.

Bố mong muốn các con phải luôn luôn thương yêu nhau, giúp đỡ nhau khi cần, hàng ngày Bố cầu nguyện cùng Chúa và Mẹ Maria cho các con được trung thành với nhau và nhất là trung thành với Chúa cho đến cuối đời. Từ khi hiểu biết cho tới bây giờ hàng ngày và những lúc gặp chuyện khó khăn, nguy hiểm Bố luôn luôn đọc 1 kinh Lạy Cha, 3 kinh Kính Mừng, 1 kinh Sáng Danh và phở dâng cho Chúa.



Điều cuối cùng Bố muốn các con làm là ít nhất mỗi ngày các con phải đọc 1 kinh Lạy Cha, 3 kinh Kính Mừng, 1 kinh Sáng Danh, dâng lên Chúa và đọc lời nguyện xin "Giêsu Maria Giuse, con mến yêu, xin cứu linh hồn ....." khi nhớ đến những người thân yêu đã qua đời.

*Cám ơn các con và  
Bố thương yêu các con nhiều.  
Bố*



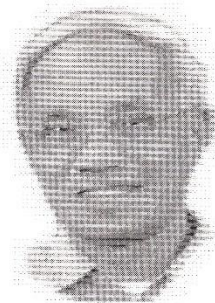
Đi chơi hồ

Đám cưới  
Chú Phúc & Di Thơm



### A Letter to My Children

*Trần Đức Phương*



**M**y Loving Children,

The year 2011 is the 36<sup>th</sup> anniversary of our family's departure from Vietnam to escape the Communist regime. Most Vietnamese who live outside Vietnam call April 1975 "Black April" because that month the North Vietnamese Communists invaded the Republic of Vietnam, and Saigon fell. This was a very sad and humiliating event.

I would like to take this opportunity to recount in a letter the story of what happened to Mom, our family, and me in the past, especially in April 1975. Hopefully, I can share my deepest thoughts and feelings with you, my children, daughters-in-law, sons-in-law, and grandchildren so that you will understand why we had to resist the Communist regime and why the Vietnamese Communist Party defeated the Republic of Vietnam's armed forces. As a result, our family had to forsake its native soil.

First of all, I want to describe the paternal side of our family. I was born in a family of three sons and two daughters. The first son was Tran Duc Cu. At the age of 21, he was the principal of a school located in Tien Yen, near the border between China and Vietnam. When the end of the school year drew near in April 1948, he went back to Hai Phong on a ship to purchase prizes to award honor students, and he was killed by a Chinese bandit. At that time, Miss Tran Thi Le Dung, who is now in San Jose and known as Aunt Quang, was my eldest brother's fiancée. When he died, my parents took her in and adopted her as their daughter. The second child, my sister Tran Thi Phin, passed away in December 1945 at age 15. The third child, my brother Tran Duc Huan, is in San Diego. I am the fourth child. Finally, my younger sister, Tran Thi Yen Phi, died of illness in Vietnam in 1994. Aunt Tran My Tu, who lives in San Diego, is my half sister. She has the same father but a different mother. My father was once an officer in the French Army. My mom was wonderful, hardworking, and conscientious, even though she did not have a chance to go to school due to the Vietnamese culture back in the day. Only boys went to school, not girls. My mother went home to God in March 1973, and my father died in May 1975 in Saigon.

**M**y Cherished Children,



## 50th Anniversary Class of 62B VNAF

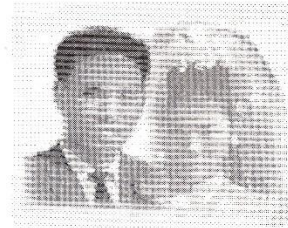
---

I will tell you very briefly my story about our family, and especially about what transpired in March and April 1975, when the North Vietnamese Communists made massive attacks all over the South, and by the grace of God we were able to flee to the land of liberty and promise.

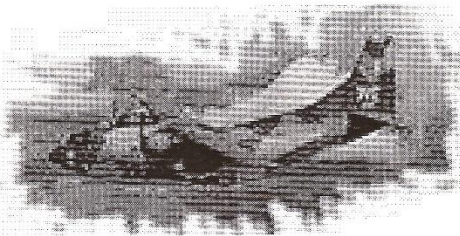
I had finished high school and more than four years of study in science and medicine at the University of Saigon when all male university students were ordered to register in the Thu Duc Military Training School to become infantry officers. I volunteered for the Air Force and was sent to receive basic military training at the Air Force Training Academy in the city of Nha Trang. After three months there, I took an English test. Because I did well on it, I was selected to be sent to the U.S.A. to learn how to become an Air Force fighter pilot. Upon arriving in America, like other students coming to the U.S., I went to English language school at Lackland Air Force Base (AFB) in Texas. Next, I was sent to Moody AFB in Georgia, where I was trained for 14 months to be a fighter pilot. After graduating from pilot training at Moody AFB, I returned to Vietnam and flew Skyraiders for over two years. Next, I was transferred to fly C-47 and AC-47 aircraft. The C-47 is a military transport aircraft, commonly known as "Gooney Bird". In Vietnam, the AC-47 aircraft effectively helped to suppress the enemy on the ground. After three years as a pilot, I was appointed as chief of planning office of the 33rd Combat Group, which was stationed at Tan Son Nhat, Saigon.



During that time, Mom and I met, and my chief of planning position seemed *less dangerous* than being a fighter pilot. Therefore, I decided to get married, and our wedding ceremony took place in the Catholic church in Thi Nghe in April 1969.

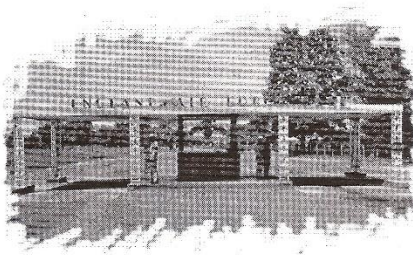


As a result of the Communist North's attacks on South Vietnam in the Tet Offensive of 1968, the Year of the Monkey, the Air Force began to expand. The Military Planning Office was ordered to set up a program for C-47 pilots to go to Lockbourne Air Force Base, Ohio, U.S.A., to learn to pilot C-123K aircraft. The C-123K aircraft had two propeller engines and two jet engines. In the middle of 1970, when the training program was almost over, I was transferred to the 53rd Tactical Wing, 5th Air Division, Tan Son Nhat. After Mom gave birth to Ngan in 1971, I was sent to Lockbourne Air Force Base to learn how to pilot C-123K aircraft. Three months later, I served



## 50th Anniversary Class of 62B VNAF

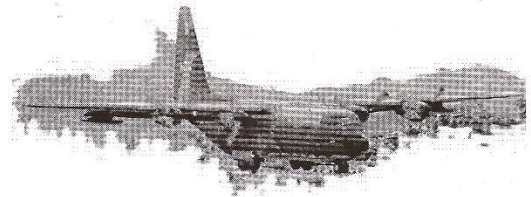
---



*jets.* The used C-123K aircraft were given to the Royal Cambodian Air Force. At this point, my role was to assist in planning Air Force training programs and military operations. In addition, I flew C-130 military missions, as needed, until the North Vietnamese Communists invaded South Vietnam on April 30, 1975.

as the chief air liaison officer at England AFB, Louisiana, where the Vietnamese student pilots were trained to fly such aircraft as the A-37, C-47, and C-123K.

**H**aving returned to Vietnam in 1972, I continued to serve in the staff of the 53<sup>rd</sup> Tactical Wing and flew C-123K aircraft. Early in 1973, all three C-123K squadrons operated C-130 *four-engine, propeller*



**B**ecause I knew a lot about the Communist regime, I had volunteered to join the Republic of Vietnam's Air Force to fight

the Communists. Moreover, in April 1975 I tried my very best to make sure that our loving family could flee Vietnam if the Communists conquered South Vietnam. Indeed, I was born and grew up in North Vietnam until 1954, when the French and Communists signed the treaty in Geneva, Switzerland, that divided Vietnam along the 17<sup>th</sup> parallel. The Viet Minh occupied the north, while the south later became the Republic of Vietnam. I was 19 years old at that time, so I was aware of the Communists' brutality. I learned that under the Communist regime, there was no freedom of religion, no family, and no country. The Communists were atheists and deified the state. They destroyed trust among family members. They believed there was only the Communist Party, which had to be supreme, so everything had to be done for the state.

**A**fter the fall of Saigon, those who had served as officers in the Republic of Vietnam's armed forces and fought the North were told to present themselves and register with Communist authorities. The former South Vietnamese military officers would presumably be reformed by having some training in Communism. Instead, however, the officers were imprisoned without a trial or appeal of their sentence. The former officers were not only detained, they were sent to reeducation camps and forced to work until the Communists thought that they were making progress. They could not fight back. Eventually, they were released to go back to their relatives



## 50th Anniversary Class of 62B VNAF

---

in villages and toil in the field. Even worse, at schools, children were instructed not to trust anyone, and they had to hate all non-Communists, including their own parents and relatives.

**N**ever shall I forget what happened in the North in 1956! Imitating the Communist Chinese, the Viet Cong launched a campaign to destroy the rich people, whom the Vietnamese Communists labeled as powerful, evil landlords. The Viet Cong dug holes and buried these people alive, with only their heads above ground. In addition, the Viet Cong forced children to denounce their parents, and workers to incriminate their employers. As a result, more than 100,000 people were killed. What's more, the Communists deliberately tried to impoverish people, using hunger to effortlessly control people. For this reason, when Vietnam was divided in two in 1954, my family and over one million others from the North fled to the South to avoid living under the Communist regime.

**T**his was my life from joining the Air Force to 1975, and I have shared with you why we had to resist the Communist regime, and why we had to try everything to immigrate to another country when the Communists invaded South Vietnam.

**A**t this point, I would like you to comprehend some parts of the *Paris Peace Accords* of 1973, which were intended to establish peace in *Vietnam* and to end the fighting between North and South Vietnam. The *agreement* was *signed* by the leaders of the Democratic Republic of Vietnam, the Republic of Vietnam, and the United States on January 27, 1973.

**T**he U.S. armed forces came to Vietnam in 1966 to help the Republic of Vietnam's military fight off invasion by the Communist North. This became known as the Vietnam War. Perhaps if the United States government had provided a vast supply of weapons and funds to South Vietnam, there would have been no need for the American troops. It was believed that South Vietnam's armed forces were capable of battling and fending off the Communist North. As a matter of fact, the 1968 Tet Offensive proved that the South Vietnamese armed forces reacted fiercely and courageously despite the Viet Cong's tactic of surprise. The Tet Offensive was a surprise because the Vietnamese Lunar New Year has traditionally been a celebration that brings happiness, hope, and peace.

**O**nce there were more than 500,000 American soldiers in Vietnam. Armed with modern weapons, the U.S. could have vanquished the Communist North in a week. Unfortunately, the U.S. did not do so, maybe because of political pressure in America and around the world. The United States did not want to win this war. Moreover, the Vietnam War lasted a long time, and as the number of U.S. casualties climbed over 56,000, the American people did not want their children to be sacrificed and to be killed in Vietnam anymore. Because of this pressure, the U.S. government decided to end the Vietnam War and withdraw all U.S. troops. That is why there was a meeting between Americans and the Communist North in Paris.

## 50th Anniversary Class of 62B VNAF

---

**I**ntending to end the Vietnam War and bring all American troops home, the U.S. forced the South Vietnamese to sign a treaty that included disadvantages, such as: (1) All foreign troops would withdraw from Vietnam and (2) The Communist forces that had invaded the South were allowed to stay in the South. Both sides were required to stop fighting and wait for an election to choose a unified government. This treaty was signed on January 1, 1973.

**W**ith the U.S. troop withdrawal, coupled with Congressional pressure, the United States cut off military and economic aid to South Vietnam. After the U.S. troops pulled out, the Communist armed forces crossed the 17th parallel to attack the South and then watched the reaction of the U.S. and the free world. Obviously, the Communist North had violated the *Paris Peace Accords* of 1973, and the President of the United States had promised that if the Communist North violated the treaty, America would fight again. Nevertheless, the U.S. did not respond to the North's invasion.

**T**he North was convinced that America was not interested in helping South Vietnam anymore. The Communist North received military aid and modern weapons, such as MiG-21 and MiG-27 fighter aircraft, from Russia, China, and Eastern European Communist countries. In contrast, the South had only A-37's and F-5's, which were aircraft converted from the T-37 and T-38 training models. South Vietnam's M-48 and M-113 tanks could not stand up against the North's advanced T-54 and PT-76 tanks or the North's 130 mm artillery cannons, 122 mm rockets, air defense missile sites, and surface-to-air missiles (SAM2, SAM3, and SAM7). The United States gave the South 105 mm, 155 mm, and a few 175 mm cannons, but these could not fire as far as those of the North. The main point is that South Vietnam's military lacked everything, such as ammunition for artillery. Each cannon was allocated only 10 missiles per day. In general, the South fought while having an extreme shortage of infantry soldiers, weapons, aircraft fuel, and bombs. Exploiting the situation, all of the Communist forces attacked South Vietnam, heading south from North Vietnam, and heading east from the western borders with Laos and Cambodia. After the United States withdrew its troops, the South Vietnamese, with their limited forces and outdated weaponry, were guaranteed to lose.

**E**arly in March 1975, the Communist North brought three infantry divisions, two armored regiments, and two artillery regiments, and invaded the city of Ban Me Thuot, while South Vietnam's defense included only one infantry regiment and the local unit. The Communist North captured Ban Me Thuot and continued to attack Kontum and Pleiku, while they also attacked cities below the 17<sup>th</sup> parallel, Quang Tri, Hue, and Da Nang. This massive invasion of the South included all military forces from the North, with about 40 infantry divisions and armored divisions, complete with sophisticated weapons and abundant supplies, while the South had only 11 infantry divisions, one airborne division, one division of Marines, and some Army Ranger units. The South Vietnamese had insufficient



## 50th Anniversary Class of 62B VNAF

---

ammunition for their weapons, and many of their planes lacked fuel and bombs. Yet, the military remained aggressive and was not dispirited. Meanwhile, the political situation in the South was in turmoil. President Nguyen Van Thieu, through misguided decisions, lost the territories of the Central Highlands and plateau. Thus he resigned his position, which left Vice President Tran Van Huong in charge. Because of pressure from a neutral faction in Parliament (neither for freedom nor Communist rule), Interim President Tran Van Huong had to give up the presidency, and Duong Van Minh took his place. It is no wonder the Republic of South Vietnam lost to the Communist North. This outcome was inevitable.

**I**n late March and early April 1975, the U.S. evacuated the U.S. nationals and those who worked for the U.S. When the Communist North had captured over the half of the South, I was frightened by the gravity of the situation and worried about how I could get my family out of the country if the Communists took complete control of the South. Although I was very busy at that time with endless mission operations, my several close Air Force friends and I put our heads together to figure out ways to evacuate our families at the last minute. During this critical time, I tried not to upset your dear mom, so I just asked her to be alert and well-prepared in case we had to leave Vietnam, but I never let her know that the North would defeat the South imminently.

**I** forgot to mention that at this time my brother Huan's family and my nephew Quynh's family lived with us because they had had to leave Dalat. At the end of April 1975, North Vietnamese troops were only 20 miles away from Saigon, and my close friends and I could not come up with any means of leaving Vietnam. At noon on April 28, 1975, on my way home after finishing my mission operation, my brother Huan and I tried hard to search for a way for the families to escape. That afternoon, Air Command ordered all pilots to go home and take their families to the airport, from which they would fly to the island of Con Son. The U.S. Navy would then take them to the island of Guam for temporary refuge. Knowing that their families were safe, the Air Force pilots would have peace of mind as they fought the Communists.

**B**ecause of the agreement my close pilot friends and I had made in advance, Khoi, who was a classmate from my pilot training courses, came to the house to take Mom, all of you, and Aunt Mai to the Tan Son Nhat Airport to travel to the island of Con Son. When I returned home, it was dark, and I learned that Mom, you children, and Aunt Mai had gone with my pilot friend Khoi to the airport. Immediately, I rushed to the U.S. Embassy to make an inquiry at the Defense Attack Office (DAO) since I knew that the DAO would take care of the pilots' families and would transport them to the Con Son Island. Disappointingly, the U.S. Marine Corps did not allow anyone to enter. Meanwhile, the North Vietnamese Army (NVA) bombarded the airport. Finally, a U.S. naval officer met me and told me that according to orders, no one was allowed to enter the embassy. Since my family was at the airport, the U.S. would take care of evacuating

## 50th Anniversary Class of 62B VNAF

---

them. Returning to the base, I learned that Mom, you children, and Aunt Mai had reached the island of Con Son.

**A**t the base at about 5:00 a.m. on April 29, 1975, there was an order that all aircraft and pilots must be ready to take off at any moment for Utapao, the U.S. air base in Thailand. Communist forces occupied the city of Bien Hoa, 15 miles from Saigon. Consequently, Communist artillery could damage the Tan Son Nhat Airport, and if that happened, no aircraft would be able to take off. I hurried home to get my brother Huan's family and anyone in Mom's family who wanted to leave. While I was still at home, a member of the Air Command Team arrived and said that it was too late since all of the planes had left.

**N**o Air Force facilities were available. My brother Huan and I rode on a motorbike to seek a way to escape Vietnam by way of the Navy. I had many friends in the Navy. Unfortunately, we could not get onto the wharf because of the sea of fleeing people who surrounded us and crowded the Navy pier. We went everywhere we could think of but still could not find an escape. Around 2:00 p.m., our motorbike ran out of fuel. That day, Saigon was in chaos. No provisions were available, and gas stations were closed. We were frustrated, and we did not know what to do. Out of the blue, someone approached and asked us if we would like to purchase gasoline. We followed him, and he sold us two liters of petrol.

**W**hat an unforgettable day in Saigon! It was a day of horror! All kinds of helicopters from the U.S. fleet flew in to evacuate people, and U.S. F-14 jets filled the sky. The roar of jet aircraft in the sky mixed with the noise of vehicles carrying fleeing people on the ground to create a terrible and poignant scene of confusion in Saigon.

**T**he sky was nearly dark. We almost gave up hope for a way to escape. Suddenly, I remembered a friend who had previously told me that he was looking to purchase a boat as a means of contingency evacuation. Without a second thought, my brother Huan and I rushed to find him. Thank God, we located him and learned that he was preparing to depart after dark. He was willing to let us go along on the condition that every person pay one ounce of gold and be present two hours later where the ships were anchored at the Tan Thuan Bridge. Even though none of us had any gold, we accepted his condition because this would be the absolute last chance for us to escape from Vietnam. I told my brother Huan that we did not have gold now, but we would pay him in full later.

**W**e came home, and I told my father-in-law that I had found a way to escape on my friend's boat. Upon hearing this, he told me I had to leave immediately. Then, I asked Uncle Hai if he would like to come, too. He responded that he preferred to stay to care for the family. My



## 50th Anniversary Class of 62B VNAF

---

brother Huan's wife and I rode on my Vespa motorbike, and my brother Huan and his two children, Thuy and Hoang, were on his motorbike. Halfway to our destination, the Tan Thuan Bridge, we lost track of each other because it was so crowded. Yet, I met my nephew Quynh, his wife and his two children, so I called out that they should follow. When we crossed the bridge to Khanh Hoi on other side of the Saigon River, we were about one mile from the Tan Thuan Bridge. Unexpectedly, the road was blocked. No one was allowed to go through. Two people wearing military uniforms and carrying M16 guns stood in the middle of the road. Because I was wearing an Air Force uniform, I kept going, thinking that they would let fellow soldiers pass through. To my surprise, they shot straight toward me when I was about 50 meters from them. I turned my vehicle in the opposite direction. Luckily, nobody got hurt.

**B**ack on the previous road, I knew no other way to get to where we needed to go, the Tan Thuan Bridge. While I was asking for directions, a boy about 10 years old on a bicycle approached me and asked where I would like to go. I told him I would like to go the Tan Thuan Bridge, but the road was off limits, and I did know an alternate route. The boy told me to follow him. Without hesitation, I did so. The boy led us from alley to alley, sometimes passing houses, and then about a half hour later, after passing a school, the boy pointed to the Tan Thuan Bridge. How happy I was! I looked back and saw my nephew Quynh's family right behind me. Then I turned to thank the boy and intended to give him a little gift, but there was no sign of him. When I arrived at the Tan Thuan Bridge, I met my brother Huan, who had also just arrived there.

**A**ll nine of us (four members of Uncle Huan's family, four members of Quynh's family, and me) boarded a boat in which there were more than 60 people. The boat, which was approximately 40 feet long and 15 feet wide, had previously been used to transport diesel fuel to towns. We waited at the wharf until 11:00 p.m., but the captain still did not come. In the meantime, the U.S. helicopters no longer flew to evacuate people. Later I learned that around that time the United States stopped the evacuation. The North Vietnamese Army started artillery strikes everywhere in Saigon. Realizing the danger of the situation, the owner asked the vice captain to navigate the boat. Unfortunately, we could not leave immediately because the tide was high, and the boat could not pass under the Tan Thuan Bridge. We had to wait for low tide at 3:00 a.m., and then the boat passed under the bridge. As the boat set out, the soldiers and the police officers on the bridge said not to go on. If the boat continued, they would shoot holes in the boat so that it would sink. Realizing that there was no alternative, Uncle Huan and I asked everyone on the boat to relinquish their Vietnamese currency, vehicle registration cards, and car and motorbike keys. We went up to meet the soldiers and police officers on the bridge to give them the money (over 1 million Vietnam piastre) and all vehicle ownership cards and keys. As a result, they were willing to let us go.

## 50th Anniversary Class of 62B VNAF

---

Next we reached the main river, which would lead us to the sea at the town of Vung Tau. At 5:00 a.m. on April 30, 1975, we had to stop for fear that we would hit a naval ship that was also fleeing Vietnam. We waited until 7:00 a.m. and then proceeded. One hour later, we came upon a small boat in which there were 15 naval officers who had escaped from the Nha Be Naval Base. They asked to board our boat. One of them was a navy commander, chief of naval operations, so we now had an experienced captain. By then, we had nearly 100 passengers. The boat moved slowly—about five miles per hour. Before reaching Vung Tau, we heard that President Duong Van Minh, who had been president of the South for just one day, announced the South's surrender to the Communist North. Because the boat was very slow, two days later we were still at sea. Surprisingly, the sea was very calm. The navy commander mentioned that he had been at sea for more than 10 years, but he had never seen it so serene. I was surprised that he, a Navy Commander, always wore a life jacket, even though it was very hot day. I asked why he did not dare remove his life jacket, if he was in the Navy. Was he afraid of drowning? In response to me, he just laughed. However, when we arrived at Guam, he told me that I was not afraid of guns because I was deaf. The navy commander also said that this boat had formerly been used to transport diesel fuel, so it had been divided into small sections to hold the fuel. If one section acquired a hole, then only the fuel in that section would leak into the sea. These dividers also helped to strengthen the boat's structure. When my friend had bought the boat, he wanted to have space for more passengers so that he could make more money. Therefore, he removed all of the dividers. Removal of the dividers weakened the boat. If even a moderate size ocean wave hit, it could cause the boat to fall apart. When he boarded this boat, the lieutenant colonel recognized the danger, but he remained on board because there was no other way to escape from Vietnam. Recognizing the riskiness of the boat's condition, the navy commander wore his life jacket.

By noon on the third day, we had had nothing to eat or drink for more than a day. We saw a U.S. warship in the distance, and then one of our fellow passengers wrote S.O.S. on a white cloth and held it up high. After a while, an American warship and a small boat came and asked for a representative to come to meet the captain of the ship. One of naval officers went to meet the captain of the American ship. He returned with a lot of food and water and told us that he knew the captain, who was a classmate from his training course in America. The captain of the American ship also said that if we kept going, we would meet a rescue ship. At midnight, one of American warships came and pulled our ship away. After about three hours, we reached a place in the sea that was filled with the lights from many American and Vietnamese warships. At dawn, all of us on board were transferred to the Vietnamese naval ship HQ 16. I then realized that the naval vessels had already arrived at this location before the April 30<sup>th</sup> evacuation began. When we were on board the HQ 16, the owner of the boat we had taken at the Tan Thuan Bridge unexpectedly told Uncle Huan and me that we did not have to pay the total of nine ounces of gold for all of our family members who had traveled on his boat. He waived the fee because we



## 50th Anniversary Class of 62B VNAF

---

had successfully negotiated with the soldiers and police officers at the Tan Thuan Bridge so that his boat could in fact depart. One day later, while we were on board the HQ 16, all of the Vietnamese naval vessels, which were full of people, set out for the Philippines.

Two days later, the convoy reached Subic Bay, Philippines, but we had to stop while at sea so that the U.S. Navy could paint over and remove all of the numbers and symbols of the Vietnam Navy. The Philippines did not allow any ships having the Vietnam's Navy's symbols to enter Subic Bay. Before the Vietnamese Navy fleet entered the port of Subic Bay, the Vietnamese flags were lowered in ceremonies on board the ships. In tears, we all stood and sang the Vietnamese national anthem. Indeed, we cried for the loss of our native country, Vietnam, to the Communists, and we cried for ourselves, who had to live in exile from now on.

At the port of Subic Bay, all of us were transferred immediately to a large civilian cargo ship, where we stayed for one night. The next morning, the ship left Subic Bay for Guam. There were nearly 20,000 people on board. After three days, we arrived at the island of Guam in the evening. U.S. Marines transported all Vietnamese in GMC vehicles—20 people in each vehicle—to a tent city where each GMC car received one tent, and each person got a canvas chair, a blanket, and a few other things. Early the next morning, I went to the information tent to inquire about my wife and children. When I was there, I met some pilots from the 53rd Tactical Wing who had arrived a few days before. They rushed to hug and congratulate me for safely escaping from Vietnam since they had heard that I was trapped. Then each pilot shared something with me, such as a pack of cigarettes, a few dollars, a cup of coffee, and a loaf of bread. It was so precious and touching! I could not imagine that I was so welcomed and well-loved. Thinking back, I realized that when I was their commander, I had treated them well. Therefore, seeing me in this ordeal, they extended their heartfelt appreciation and compassion. I remained at the information tent for the whole day with the hope that I would receive some news about all of you. Yet, I knew nothing because the information office did not have a complete list of everyone who had come to the tent city.

Although it would be difficult to find my family, maybe if I sent a message I would find you. After sending the message, I went daily to the information tent, hoping for news. I also searched the tent city for Mom and you children. Approximately three weeks later, I received the news that Uncles Hai, Phong, and Lam were at Wake Island. What a joy to know that they had been able to escape from our native land! A few days later, I got the news that Mom and Aunt Mai were at Camp Pendleton, California. Later, I received the news that my children, Nguyen, Nam, and Ngan, were at Fort Chaffee. This seemed ridiculous since Nguyen and Nam were just five years old, and Ngan was only four. How could my three little children be at Fort Chaffee, while my wife and Aunt Mai were at Camp Pendleton? A staff member at the information tent suggested that maybe students who had volunteered to help keep records had recorded the wrong

## 50th Anniversary Class of 62B VNAF

---

location for the children. Despite the student volunteers' recordkeeping error, I felt relieved because I knew for sure that my wife and children were in America.

In the morning of June 16, a member of the information staff called and told me that the doctor at the naval hospital at Camp Pendleton requested that I come to the U.S. because my wife would give birth soon. Hence, I had to go to the U.S airport camp for the procedure to allow me to enter America. I asked that Uncle Huan's family and my nephew Quynh's family be allowed to come with me to America, too. My request was granted. As a result, we arrived at Camp Pendleton in the evening of June 20, 1975, and were taken to Camp No. 8. That night, while I was arranging a place to sleep, a former pilot from the 53rd Tactical Wing that I served in the past came to welcome me and led me to Camp No. 1 to reunite me with my wife and children, whom he had known before. After 53 days of separation, hardships, and danger, our family was together again. How thankful we were to God for His many blessings bestowed upon our family!

Ten days later, our family had more good news! Annie was born. It was a memorable story. On June 30, 1975, a doctor at the naval hospital let me know that my wife would give birth to our child that morning. I waited until noon. Then the doctor came out to inform me that my wife had difficulties because Annie had turned horizontally then stopped. The doctor would try to solve the problem, but if he did not succeed, then the surgeon would perform a caesarian delivery. In the afternoon, the doctor came back and told me that the caesarian surgery would begin. I was in a panic. I just sat down and prayed that God would give grace to the welfare of my wife and ensure a safe delivery. My prayers were answered since after 30 minutes the doctor came out and said that my wife had safely delivered a child. He added these words, "I am sorry, it's a girl!" I thanked him and happily told him that I was thrilled since I already had three sons. We had expected to name our new baby girl Annie Tran Thi Bao Chau. However, to extend our deepest thanks to the doctor and nurse who had struggled all day to help our baby girl come into the world safely, we merged the names of the doctor's wife and the nurse to name the newborn baby: Anna Marie Tran.

At the end of July 1975, the Holy Family Catholic Church sponsored our family to leave Camp Pendleton and settle in a home on Fulton Street, Linda Vista, San Diego. Three months later, we moved to Tait Street, also in Linda Vista. During the day, we went to school to learn English; the government paid each of us \$ 2.15 per hour. At night, I worked as a janitor for \$2.50 per hour. Then I studied electronics during the day and continued to work as a janitor at night. By December, we had spent all of our government aid ( $\$300 \times 7 = \$2100$ ). At that time, the Holy Family Parish was poor and could not continue supporting our family. However, the parish paid our \$175 monthly rent and provided \$60 per week for food. The parish wanted us to apply for Welfare. Since we had fled the Communist regime in order to choose freedom and to be



## 50th Anniversary Class of 62B VNAF

---

independent as soon as possible, we refused to apply for Welfare. Because my wife applied to study in the CETA program for six hours per day, the government paid her \$2.15 per hour. Plus, we had our savings from recent months, so our family life was stable but a bit tight financially.

**L**ate in 1977, my wife worked at Scientific Atlanta, while I got a job at Cubic Corporation. Whenever my boss sent me to work in Washington DC, I was paid per diem, which meant being on call or as needed. Thanks to my per diem and overtime pay, plus my wife's savings, we purchased a three-bedroom house on Chandler Drive, Clairemont. By this time, our family was secure, and my wife went back to school at Mesa College. This house was truly a welcoming place. At one time, there were 16 of us living in the house. That was when Uncle Huan's family and my friend Thao's family moved from Topeka, Kansas, to live with us in San Diego.

By the time they moved out, this house had become a place of hospitality where our extended family reunited. First, Uncles Hai, Phong, and Lam came and then Aunts Mo and Thom arrived. Finally, my mother-in-law (your maternal grandmother), Aunt Linh, and cousins Thai, Chuyen, and Dung stayed in this house.



**I**n 1987, we wanted each of our children to have his or her own bedroom so that they could study well and at their convenience. In addition, we wanted to be close to the University of California at San Diego. Thus, we bought the five-bedroom house in Carmel Valley. Our family had pulled itself up, after starting with nothing, not a single dollar in our pockets, when we left Camp Pendleton to live in San Diego. I said thanks and gave credit to my wife, who had saved every penny so that we could live as we did.

**A**s time gradually went by, you all finished elementary school, completed high school, graduated from college, went to work, got married, and have had children. All of you have your own home. Now only your mother and I live in the home where you used to live. Sometimes it feels empty, but occasionally we feel as if all of you are still here. When I look for something, I ask your mom if she knows where it is. In response, she answers, "It is in Nguyen's or Nam's room." Conversely, if she wants to know where something is, she asks me. In reply, I say, "It is in Ngan's room or Annie's room."

**M**y Dearest Children,

**H**aving read this, each of you has certainly seen that the Lord is always with our family in every situation, for each of us, so we must give thanks to God. Without God, our family could not be as we are now. When our family is desperate, God comforts us. When our family is in danger, God is there to rescue us. If God had not been there to help me, there would have been no way that I could have avoided the dangers and horrors of the Vietnam War. Let me mention a few incidents to prove that God exists, and He is always





## 50th Anniversary Class of 62B VNAF

---

present in our lives. I remember that there were 25 people in my pilot training course at Moody AFB. Yet, only 16 people were graduated from it and came back to Vietnam to serve as pilots. By April 30, 1975, there were only seven of us left. You yourselves experienced how you and Mom left Vietnam safely on the dreadful night of April 28. I strongly believe that on April 29 it was the Lord who not only sent someone to sell me the two liters of gasoline so that I could continue to search for a way to escape, but also protected me from being wounded by the two bullets that were shot by the two soldiers who blocked the road so that no one could get to the ship to escape. Finally, God sent a boy to lead the way so that I could get to the ship to escape. There were many more incidents, but I cannot mention them all here.

**I** would like you to know how much I appreciate Mom, my sweetheart for 42 years. Mom and I have shared good times and bad as we created a happy family. A special thank you goes to Aunt Mai, who helped Mom take good care of you four when you were little. I would also like to thank each of our children. Nguyen excelled in medicine; this field was my original goal, which I loved pursuing when I was young. And I would like to extend my heartfelt thanks to Nam and Teresa, Frank and Jacinta, and Annie and Greg. All of you have given Mom and me lovely, well-behaved grandchildren. Seeing your love, your happiness, and your loving care for your own children has brought us great joy. I lift up my heart to thank God for His love for each family, and to our Blessed Mother, Mary, for unceasingly supporting and endlessly caring for our families.

**M**y wish for each of you is that you always love one another and help one another when needed. I pray daily to God and Mary for you to be faithful to each other and most of all to be faithful to the Lord until you breathe your last breath on earth. Not only when I face a difficult time or danger, but also in my daily life, I always say an Our Father, three Hail Mary's, and one Glory Be, and then I put my problems into God's hands with my complete trust in Him. The last thing I ask is that at least each day you pray an Our Father, three Hail Mary's, and one Glory Be and offer these prayers to God and pray this inspiration: "Jesus, Maria, Joseph, I love you, please save the soul of....." to pray for the repose of the souls of our loved ones who have gone before us.

**T**hank you, and I love you so very much.

**Bo / Dad**  
**Joseph Tran Duc Phuong**  
April 30, 2011



## Real As Imaginary, Imaginary as Real

My dear friends, brothers and sisters,

Today I would like to share with you my feelings about my incurable disease which has no medicine to take to be cured. These sentiments are certainly neither funny nor sad but it is some sort of humor.

Now it seems that I have two lives. I wake up every morning, sit in front of family shrine, pray to God, and try to do the daily normal things as a normal person does such as breathing, walking, standing, eating, and talking. Unfortunately, I realize that I am not able to do such things any more. I am craving to do them in such a horrible way, but I have to bear with it. Therefore, I consider my day life as real because they are there but I cannot do the ordinary things so I think they are imaginary. In other words, in my day life real is imaginary.

At night time, before I go to sleep, my wife inserts the ventilator into the opening created by the tracheotomy which allows me to breathe easily and along with a medicine helps me to sleep. Even though I only sleep for a short time it is helpful for my health. During my short sleep, I have a dream in which I can do all the things, such as breathing, walking, standing, eating, and talking which I cannot do during the day, become real to me. In other words, imaginary is real at night.

My dear friends, do you ever take time to think that the ordinary things which I mentioned above are special gifts from God and are not things that come to us naturally. I have given thanks to God for all my life, but now because of this untreatable disease, I experience God's mercy and goodness even more.

During past twenty-one months that I have had this disease, the time has been divided evenly between hours at the hospital and those at home. My wife takes care of me around the clock, A to Z, every day. In addition to taking care of me, my good wife manages all the duties needed to keep the family happy and united. Because my wife is so motherly, I think sometimes she is my mother. My wife has developed many talents while taking care of me, such as nursing skills (RN), as well as those of a respiratory (RT). I am most thankful to God who gave me such an extraordinary wife.

Besides my wife, I am indebted to my brother, Huan, who brings me the Holy Eucharist every day since I can no longer attend daily Mass. My heartfelt thanks go to my brother and to my sister-in-law, Huan.

God has also sent me my generous brother-in-law, Lam, who comes often and gives me a massage which makes my arms, legs, and body relaxed and comfortable. How appreciative I am!

Last but not least, I am very grateful to all those who are on my e-mail list and read this affectionate letter.

Warm Regards,  
Trần Đức Phương

Thăm quý anh chị,

**Thân chúc quý anh chị và gia quyến năm 2015 và những năm kế tiếp thật dồi dào sức khỏe, nhiều may mắn và nhiều hạnh phúc. Nguyên xin Thiên Chúa ban nhiều ơn lành cho quý anh chị.**

Hôm nay tôi muốn được chia sẻ cùng quý anh chị, tâm tình của người mắc chứng bệnh nan y, chưa có thuốc chữa, có nghĩa là không khỏi được và .....Cái tâm tình này chắc chắn là không vui nhưng nó cũng không buồn mà nó có đôi chút khôi hài.



Hiện giờ tôi có hai cuộc sống, mỗi sáng thức dậy ra ngồi ghế trước bàn thờ Chúa, cầu nguyện và làm những công việc thường ngày tôi suy nghiệm ra những việc rất bình thường như THỞ, ĐI ĐÚNG, ĂN và NÓI, tôi đều không làm được bình thường như mọi người do đó tôi rất thêm, thêm một cách kinh khủng nhưng cũng đành chịu, thành Ra cuộc sống ban ngày của tôi THỰC NHƯ ẢO, có đó mà đành chịu, coi như ảo.

Đến tối khi đi ngủ, nhà tôi lắp cái máy ventilator vào cái ống tracheostomy ở cổ tôi để giúp cho tôi thở được dễ dàng và nhờ vào viên thuốc ngủ, tôi đi vào những giấc ngủ ngắn nhưng giúp rất nhiều cho sức khỏe của tôi. Trong những giấc ngủ ngắn đó, tôi có những giấc mơ và trong những giấc mơ đó tất cả những gì tôi không làm được hoàn toàn ban ngày thì trong giấc mơ tôi làm được tất cả như thở, đi đứng, ăn, nói nhưng đó chỉ là ảo thành Ra ẢO NHƯ THỰC.

Thưa quý anh chị, những tâm tình tôi nếu Ra đó chỉ là những ciệc rất tầm thường nhưng có bao giờ at nghĩ đó là những ơn đặc biệt Thiên Chúa ban cho ta không bởi vì những thứ đó như tự nhiên mà có, tôi cảm tạ Chúa đã ban cho tôi những ơn đó trong suốt cuộc đời cho tới bây giờ khi mắc chứng bệnh nan y tôi mới nhận ra lòng thương xót của Chúa.

Trong gần hai năm (một năm chín tháng) từ khi mắc chứng bệnh nan y này, một nửa thời gian ở bệnh viện và một nửa ở nhà, nhà tôi lúc nào cũng ở bên tôi 24/24 . Nhà tôi đã thay tôi điều hành mọi công việc trong gia đình và chăm sóc tôi từ A đến Z không thiếu một việc gì, nhiều lúc tôi cứ tưởng nhà tôi là mẹ tôi vậy, nhà tôi cũng làm những công việc của người y tá (RN) và chuyên viên hô hấp (RT) nữa, cảm tạ Chúa, cảm tạ Chúa đã ban cho con người bạn đời thật tuyệt hảo.

Từ khi lâm bệnh không đi dự Thánh lễ hàng ngày được nhưng nhờ sự hy sinh của anh Huân, tôi vẫn được rước Mình Thánh Chúa hàng ngày tại nhà, cảm ơn anh chị Huân nhiều.

Hàng ngày, ngồi một chỗ không đi đứng được nên chân tay, người, nhức mỏi, may nhờ cậu Lâm thường xuyên đến làm massage nên thật thoải mái, cảm ơn cậu Lâm nhiều.

Sau hết cảm ơn quý anh chị đã đọc tâm tình này.  
Trần Đức Phương

**2-10-2015 Giỗ 100 ngày 10-1-2016**

**Chúa Nhật Lễ Chúa Giêsu Chịu Phép Rửa**

**Năm C + Giáo Lý Tân Tòng 2015-2016**

**The Baptism of the Lord**

**Lectionary: 21**

**BÀI ĐỌC I: Is 42, 1-4. 6-7**

*"Này là tôi tớ Ta, Ta hài lòng về người".*

Trích sách Tiên tri Isaia.

Đây là lời Chúa phán: "Này là tôi tớ Ta mà Ta nâng đỡ, là người Ta chọn, Ta hài lòng về người. Ta ban Thần trí Ta trên người. Người sẽ xét xử chư dân. Người sẽ không lớn tiếng, không thiên vị ai; không ai nghe tiếng người ở công trường. Người không bẻ gãy cây lau bị giập, không dập tắt tim đèn còn khói. Người trung thành đem lại lẽ công bình. Người sẽ không buồn phiền, không nao núng, chỉ lo đặt công lý trên địa cầu, vì trăm đảo mong đợi lẽ luật người. Ta là Chúa, Ta đã gọi con trong công lý, đã cầm lấy tay con, đã gìn giữ con, đã đặt con thành giao ước của dân, và nên ánh sáng của chư dân, để con mở mắt cho người mù, đưa ra khỏi tù những người bị xiềng xích, đưa ra khỏi ngục những người ngồi trong tối tăm".

***Đó là lời Chúa.***

**Reading 1 Is 42:1-4, 6-7**

Thus says the LORD:

Here is my servant whom I uphold,  
my chosen one with whom I am pleased,  
upon whom I have put my spirit;  
he shall bring forth justice to the nations,  
not crying out, not shouting,  
not making his voice heard in the street.  
a bruised reed he shall not break,  
and a smoldering wick he shall not quench,  
until he establishes justice on the earth;  
the coastlands will wait for his teaching.

I, the LORD, have called you for the victory of justice,  
I have grasped you by the hand;  
I formed you, and set you  
as a covenant of the people,  
a light for the nations,  
to open the eyes of the blind,  
to bring out prisoners from confinement,  
and from the dungeon, those who live in darkness.

***Lector: The word of the Lord....***

***All: Thanks be to God.***

**ĐÁP CA: Tv 28, 1a và 2. 3ac-4. 3b và 9b-10**

***Đáp: Chúa sẽ chúc phúc cho dân Người trong cảnh thái bình*** (c. 11b).

**Xướng:** 1) Các con cái Thiên Chúa hãy dâng kính Chúa, hãy dâng kính Chúa vinh quang xứng với danh Người; hãy mang lễ phục thánh để thờ lạy Chúa.

2) Tiếng Chúa vang dội trên mặt nước, Chúa ngự trên muôn ngàn sóng nước. Tiếng Chúa phán ra trong uy quyền, tiếng Chúa phán ra trong oai vệ.

3) Thiên Chúa oai nghiêm làm cho sấm sét nổ ran, và trong thánh đài của Chúa, mọi người kêu lên: Vinh quang! Chúa ngự trị trong cơn hồng thủy, và Chúa làm vua ngự trị tới muôn đời.

**Responsorial Psalm Ps 29:1-2, 3-4, 3, 9-10**

**R. (11b) The Lord will bless his people with peace.**

Give to the LORD, you sons of God,  
give to the LORD glory and praise,  
Give to the LORD the glory due his name;  
adore the LORD in holy attire.

**R. The Lord will bless his people with peace.**

The voice of the LORD is over the waters,

the LORD, over vast waters.

The voice of the LORD is mighty;

the voice of the LORD is majestic.

**R. The Lord will bless his people with peace.**

The God of glory thunders,

and in his temple all say, "Glory!"

The LORD is enthroned above the flood;

the LORD is enthroned as king forever.

**R. The Lord will bless his people with peace.**

## **BÀI ĐỌC II: Cv 10, 34-38**

*"Chúa dùng Thánh Thần mà xúc dầu tấn phong cho Người".*

Trích sách Tông đồ Công vụ.

Trong những ngày ấy, Phêrô mở miệng nói rằng: "Quả thật, tôi nghiệm biết rằng Thiên Chúa không thiên tư tây vị, nhưng ở bất cứ xứ nào, ai kính sợ Người và thực hành sự công chính, đều được Người đón nhận. Thiên Chúa đã sai Lời Người đến cùng con cái Israel, loan tin bình an, nhờ Chúa Giêsu Kitô là Chúa muôn loài. Như anh em biết, điều đã xảy ra trong toàn cõi Giuđa, khởi đầu từ Galilêa, sau khi Gioan đã rao giảng phép rửa: ấy là Chúa Giêsu thành Nadarét. Thiên Chúa đã dùng Thánh Thần và quyền năng mà xúc dầu tấn phong cho Người. Người đi qua mọi nơi, ban bố ơn lành và chữa mọi người bị quỷ ám, bởi vì Thiên Chúa ở với Người".

***Đó là lời Chúa.***

### ***Reading 2 Acts 10:34-38***

Peter proceeded to speak to those gathered

in the house of Cornelius, saying:

"In truth, I see that God shows no partiality.

Rather, in every nation whoever fears him and acts uprightly

is acceptable to him.

You know the word that he sent to the Israelites





as he proclaimed peace through Jesus Christ, who is Lord of all,  
what has happened all over Judea,  
beginning in Galilee after the baptism  
that John preached,  
how God anointed Jesus of Nazareth  
with the Holy Spirit and power.  
He went about doing good  
and healing all those oppressed by the devil,  
for God was with him."

***Lector: The word of the Lord....***

***All: Thanks be to God.***

**ALLELUIA: x. Mc 9, 7**

Alleluia, alleluia! - Các tầng trời mở ra, tiếng Chúa Cha tuyên phán: "Này là Con Ta yêu dấu, hãy nghe lời Người". - Alleluia.

**Alleluia [cf. Mk 9:7](#)**

**R. Alleluia, alleluia.**

The heavens were opened and the voice of the Father thundered:  
This is my beloved Son, listen to him.

**R. Alleluia, alleluia.**

**PHÚC ÂM: Lc 3, 15-16. 21-22**

*"Khi Chúa Giêsu đã chịu phép rửa và đang cầu nguyện thì trời mở ra".*

Tin Mừng Chúa Giêsu Kitô theo Thánh Luca.

Khi ấy, trong lúc dân chúng đang mong đợi, và mọi người tự hỏi trong lòng rằng: "Gioan có phải là Đấng Kitô không?", Gioan lên tiếng bảo mọi người rằng: "Phần tôi, tôi rửa anh em trong nước, nhưng Đấng cao trọng hơn tôi đang đến, và tôi không xứng đáng cởi dây giày cho Người, chính

Người sẽ rửa anh em trong Chúa Thánh Thần và trong lửa!" Vậy khi tất cả dân chúng đã chịu phép rửa, và chính lúc Chúa Giêsu cũng đã chịu phép rửa xong, Người đang cầu nguyện, thì trời mở ra và Thánh Thần Chúa ngự xuống trên Người dưới hình chim bồ câu, và có tiếng từ trời phán: "Con là Con yêu dấu của Cha, Con đẹp lòng Cha".

***Đó là lời Chúa.***

**Gospel [Lk 3:15-16, 21-22](#)**

The people were filled with expectation,  
and all were asking in their hearts  
whether John might be the Christ.

John answered them all, saying,  
"I am baptizing you with water,  
but one mightier than I is coming.

I am not worthy to loosen the thongs of his sandals.  
He will baptize you with the Holy Spirit and fire."

After all the people had been baptized  
and Jesus also had been baptized and was praying,  
heaven was opened and the Holy Spirit descended upon him  
in bodily form like a dove.

And a voice came from heaven,  
"You are my beloved Son;  
with you I am well pleased."

***Priest: The Gospel of the Lord.***

***All: Praise to you, Lord Jesus Christ.***

# Ca Nhập Lễ - Lễ Cầu Hồn

(Mùa Phục Sinh dùng câu 3)

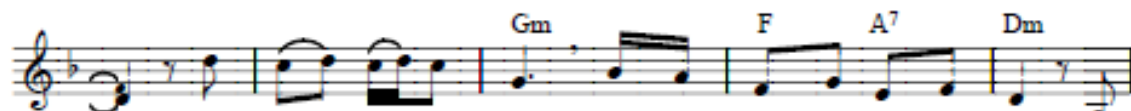
hvh



ĐK. Lạy Chúa nhân từ, xin cho các linh hồn được nghỉ yên muôn



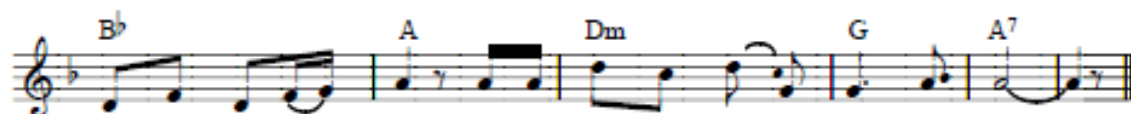
đời, và cho ánh sáng ngàn thu chiếu soi trên các linh hồn.



1. Xin mở cửa Thiên Đàng, các linh hồn trở về quê mình, là

2. Nước mắt Chúa lau sạch, sẽ không còn rơi lệ u buồn, Sự

3. Chúa đã sống lại để xác phàm ta được cứu độ, Nhờ

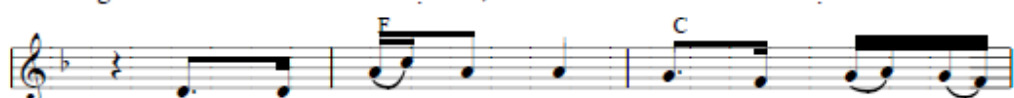


nơi không còn chết chóc, và là chốn hạnh phúc tồn tại thiên thu  
chết sẽ chẳng còn nữa, và việc cũ cũng sẽ dần dần qua đi.

Thánh Thần của Chúa, Ngài ngự đến trong cõi lòng chúng ta.

# Chúa Chăn Nuôi Tôi

*Duy Thiên*



1. Người đã dẫn tôi đi trên đồng cỏ xanh
2. Nẻo đường chính tôi theo, cây gậy Chúa dẫn
3. Người dọn cỏ cho tôi ngay ở trước quân
4. Trọn cuộc sống dương gian, ân sủng Chúa tuôn



1. đường. Dù vượt suối qua đồi hoặc qua ngàn năm
3. thù. Người đã xúc trên đầu dầu thơm Người lai
4. tràn. Người là Chúa nhân từ hằng thương người công



2. tối. Tôi đâu có sợ chi vì Chúa ở cùng tôi.
3. lảng. Tôi vui sướng thanh thoi vì Chúa thương hồn tôi.
4. chính. Tôi vui sướng thanh thoi êm ái thay nhà Người.



# Trên Con Đường Về Quê

Nguyễn Khắc Xuyên

Trên con đường về quê mà vắng bóng Mẹ, con biết cậy vào  
ai biết nương nhờ ai. Trên con đường về quê mà vắng bóng  
Mẹ, con biết cậy vào ai biết nương nhờ ai ?

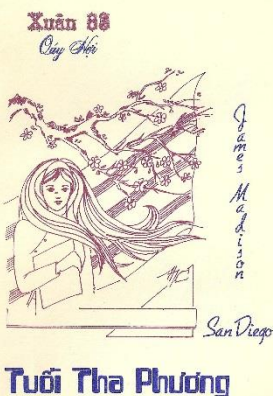
1. Trời đêm vắng sao sương mờ, đường xa thăm thẳm khuất bóng  
2. Mẹ Ma - ri - a nhân từ, Mẹ như ánh trăng chiếu bóng

quê. Con băn khoăn đưa mắt trông tìm đây đó có ai bạn  
đêm. Bên tai con ầu ầu yếm bóng Mẹ khuya sớm, chúng con lo

đường cùng đi khỏi lo. Mẹ ơi bóng đêm rợn rùng,  
gì sầu thương vấn vương. Mẹ ơi dẫu xa muôn trùng,

vực sâu đang gằm dưới lá rung. Con lao đao sắp ngã trên đường  
Mẹ thương đến hồn rất đáng thương. con đây là giá máu con Mẹ

nguy khốn, đoái thương con cùng Mẹ Đáng Chí Tôn.  
yêu dẫu, vững tin ở Mẹ thương đến con cùng.



Đặc San  
Trung Học James Madison  
4833 Doliva Dr.,  
San Diego, CA 92117  
út Linh & cậu Thái  
thực hiện  
năm con Heo...  
Lúc đó anh Ba 48,  
dì Mai 24,  
Chuyên, Frank (Ngân) 12,  
David (Tuấn), Christine (Trang)  
sắp chào đời  
Andrew -12...  
Mẹ mất ngày 5 tháng 3 năm 1995

## Góp bút

BỘ SÁT \* BÙI VĂN CHƯỜNG  
H.D. \* HẠC TRĂNG \* HÂN THƯ \* HÂN VŨ  
LÊ GIANG \* LƯƠNG \* LILAC  
MÂY BAY \* MỘNG DU \* MỸ LIÊN  
O.V.C. \* PHẠM HỒNG  
QUANG VĂN TÙNG \* SÓC NÂU  
T.D.H. \* T.L.M. \* T.N. \* TI HON \* TI VI  
THANH VÂN \* THỤY DU \* TỬ MÂY \* TỬ ĐÌNH HƯƠNG  
X.M. \* XUÂN MẠI

## CẢM ƠN

THẤY NGHIỆM PHÚ XUÂN  
CÔ NGUYỄN THỊ KIM CHI  
ÔNG BÀ NGUYỄN QUÝ CHIỂU  
ÔNG BÀ TRẦN ĐỨC PHƯƠNG  
ÔNG BÀ HỮU HỒNG PHÚC  
Ấn Quán  
CHÂN TRỜI MỚI

## NGO...

thanh  
c  
n

XUÂN  
đang về  
với những tia nắng trải dài trên thảm cỏ xanh.  
Lại một mùa xuân ly hương về trên đất khách.  
Trong niềm vui mừng đón năm mới, tuổi trẻ  
hôm nay còn tìm đâu được những cảm  
giác hồi hộp, hân hoan khi hái  
lộc đầu năm. Bính chúng  
vẫn xanh, pháo vẫn nổ  
rộn rã nhưng lòng  
kẻ ly hương  
vẫn hướng  
về bên kia  
dại dương.  
Với ước mơ  
tìm lại  
một chút dư  
âm của khoảng  
trời tên gọi ngày  
xưa, nhóm học sinh  
Madison xin gửi đến  
các bạn tổ đặc san  
'TUỔI THA PHƯƠNG' như một món  
quà nhỏ đầu xuân. Mong các bạn nhận nó  
với sự cảm thông của tình đồng hương.